

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

# MỤC LỤC

**01** THÔNG TIN CHUNG

**02** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

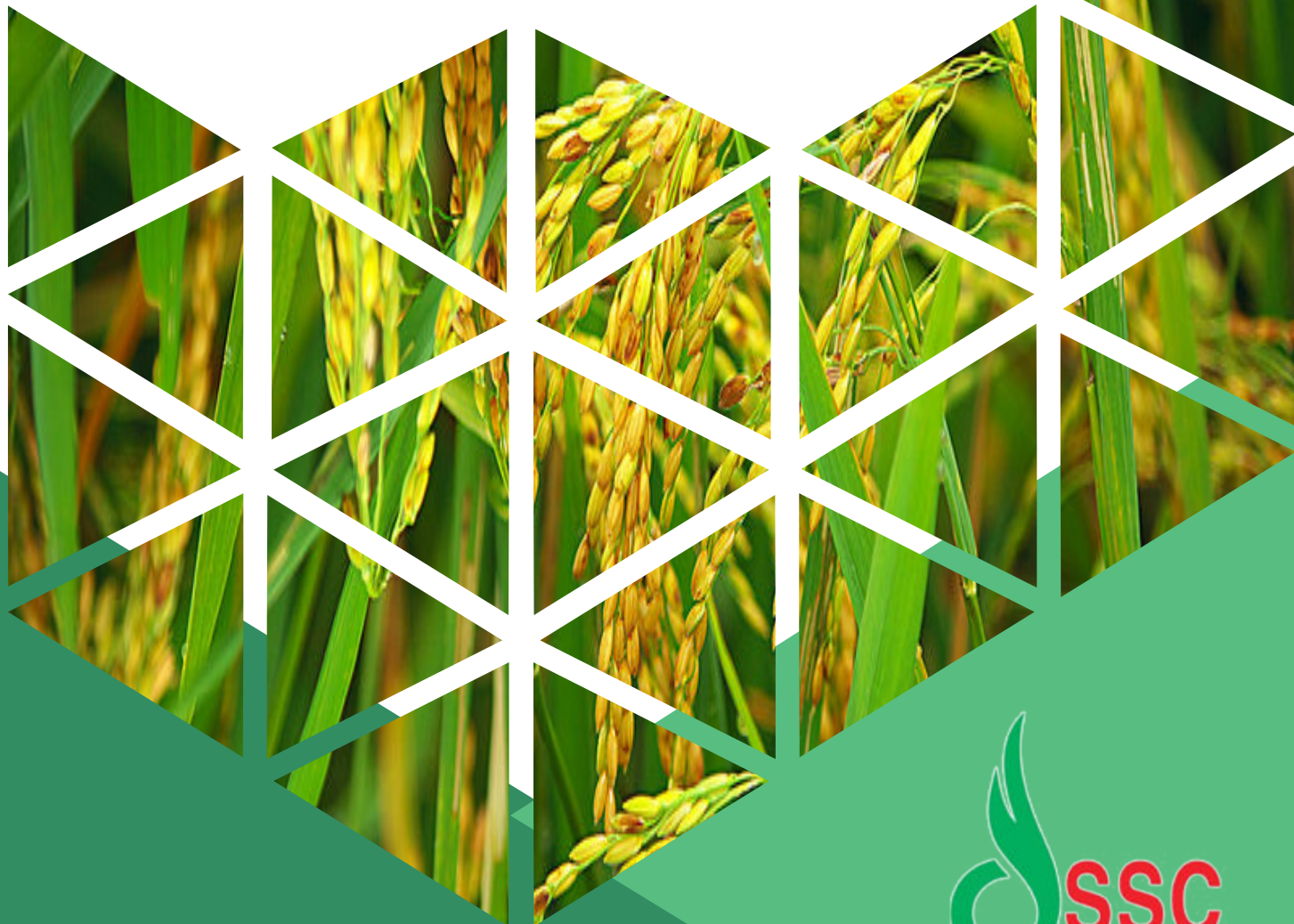
**03** BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

**04** BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**05** QUẢN TRỊ CÔNG TY

**06** BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# THÔNG TIN CHUNG



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Tên tiếng anh: SOUTHERN SEED CORPORATION

Tên viết tắt: SSC

Giấy CN ĐKDN: Số 0302634683 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 24/6/2002, thay đổi lần thứ 8 ngày 09/01/2017

Vốn điều lệ: 149.923.670.000 VNĐ

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ – Phường 1 – Quận Tân Bình – TP. Hồ Chí Minh

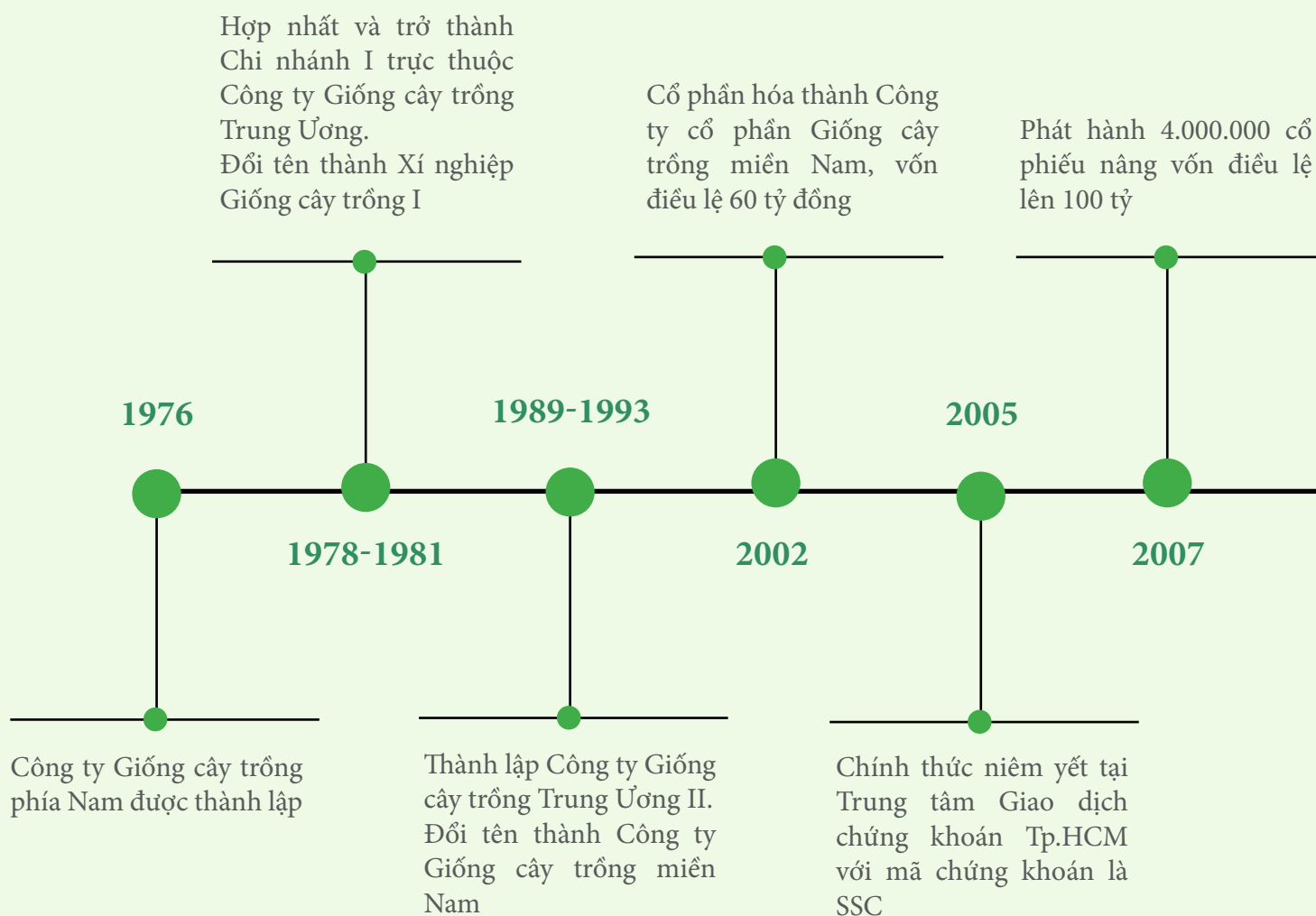
Số điện thoại: (028) 3844.2414

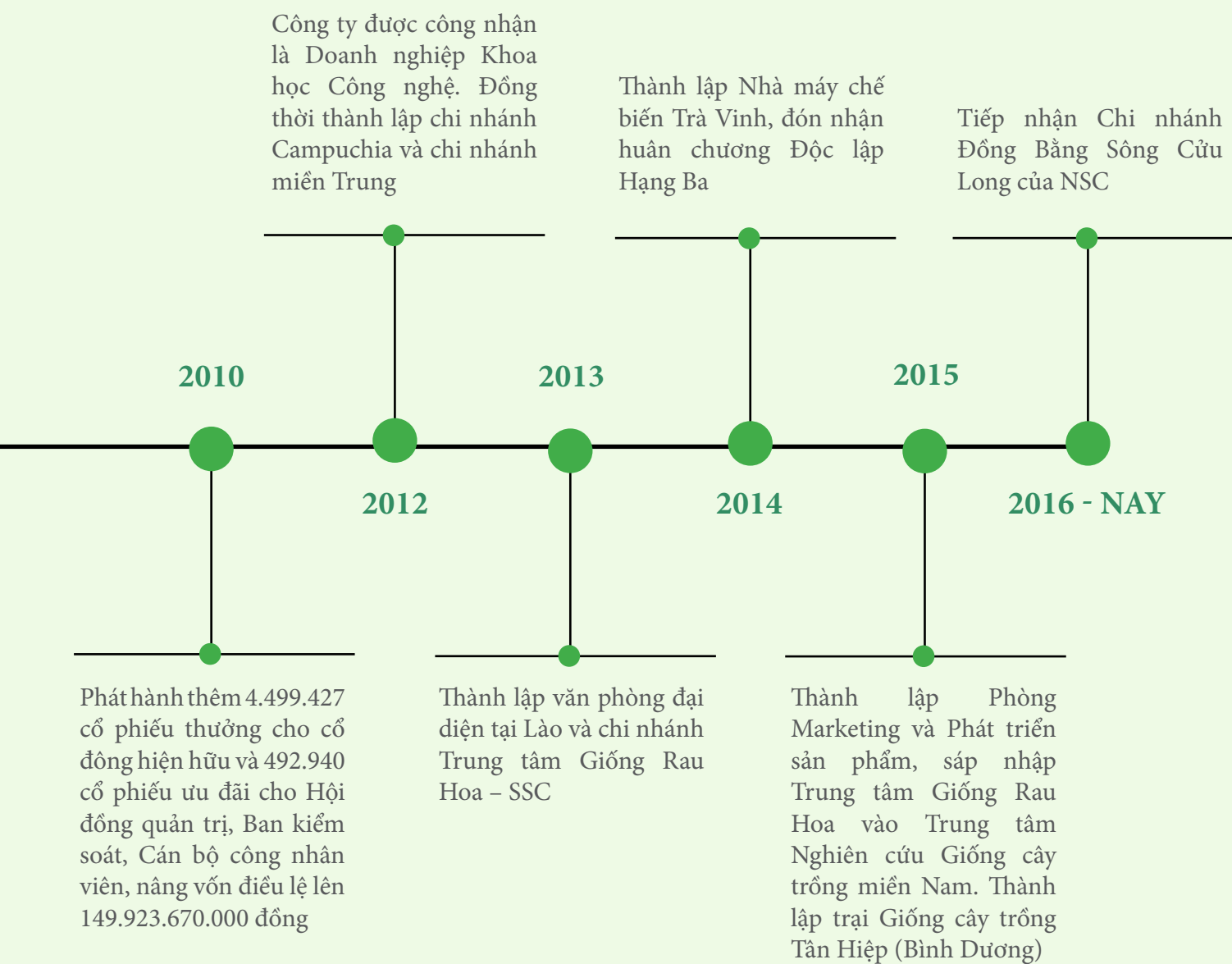
Số fax: (028) 3948.5026

Website: [www.ssc.com.vn](http://www.ssc.com.vn)

Email: [southernseed@ssc.com.vn](mailto:southernseed@ssc.com.vn)

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





# CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



Năm	Thành tích
1980	Chủ Tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 3 cho Công ty. Lúc đó SSC là đơn vị thành viên Công ty Giống cây trồng Trung Ương
1998 – 2003	Giải thưởng Bông Lúa Vàng Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Cần Thơ 5 năm liên
2001	Chủ Tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 1 cho Công ty
2005	Chủ Tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty
2008	Cúp vàng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam”. Danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam – Lào – Campuchia” do Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ công nhận
2013	Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng 3 cho Công ty
2014	Đón nhận Huân chương Độc lập Hạng ba và Lễ khánh thành Trung tâm Giống Rau Hoa – SSC
2015	Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen Doanh nghiệp đã có đóng góp tích cực Xây dựng Nông thôn mới từ năm 2010 – 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg, ngày 21/07/2015) Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới” giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (theo Quyết định số 1687/QĐ-TTg, ngày 01/10/2015) SSC nhận giải thưởng Doanh nghiệp vì Nhà Nông; giải thưởng Bông Lúa Vàng; bằng khen Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
Từ năm 2016 đến nay	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng Bằng khen Doanh nghiệp đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng góp phần phát triển nông nghiệp nông thôn (theo Quyết định số 5077/QĐ-BNN-TC, ngày 06/12/2017)

## Một số thành tích quan trọng khác:

Thương hiệu Chứng khoán Uy Tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam.

Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Cờ thi đua do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng. Được bình chọn là Hạt giống Vàng Việt Nam cấp 5 sao.

Được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp Khoa học công nghệ.

Danh sách Forbes 200, danh sách 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh 2013.

Giải thưởng Doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo.

Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ, thương hiệu tiêu biểu năm 2014".

Nhãn hiệu nổi tiếng, nhãn hiệu cạnh tranh năm 2014.

Giải thưởng điển hình sáng tạo nông nghiệp Việt Nam năm 2014.

Cúp vàng Top ten thương hiệu Việt - Ứng dụng KHCN lần thứ 2 năm 2014.

Cúp vàng Tam Nông.

Danh sách 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP.HCM tặng Bằng khen đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế năm 2016 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố (Quyết định số 2111/QĐUB, ngày 28/4/2017)



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

## Ngành nghề hoạt động

- Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp.
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản...
- Sản xuất gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.
- Kiểm tra hạt giống cây trồng. Kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng giống cây trồng nông nghiệp.

## Sản phẩm chính

Hạt giống lúa



Hạt giống bắp



Hạt giống rau



Phân bón



Vật tư nông nghiệp



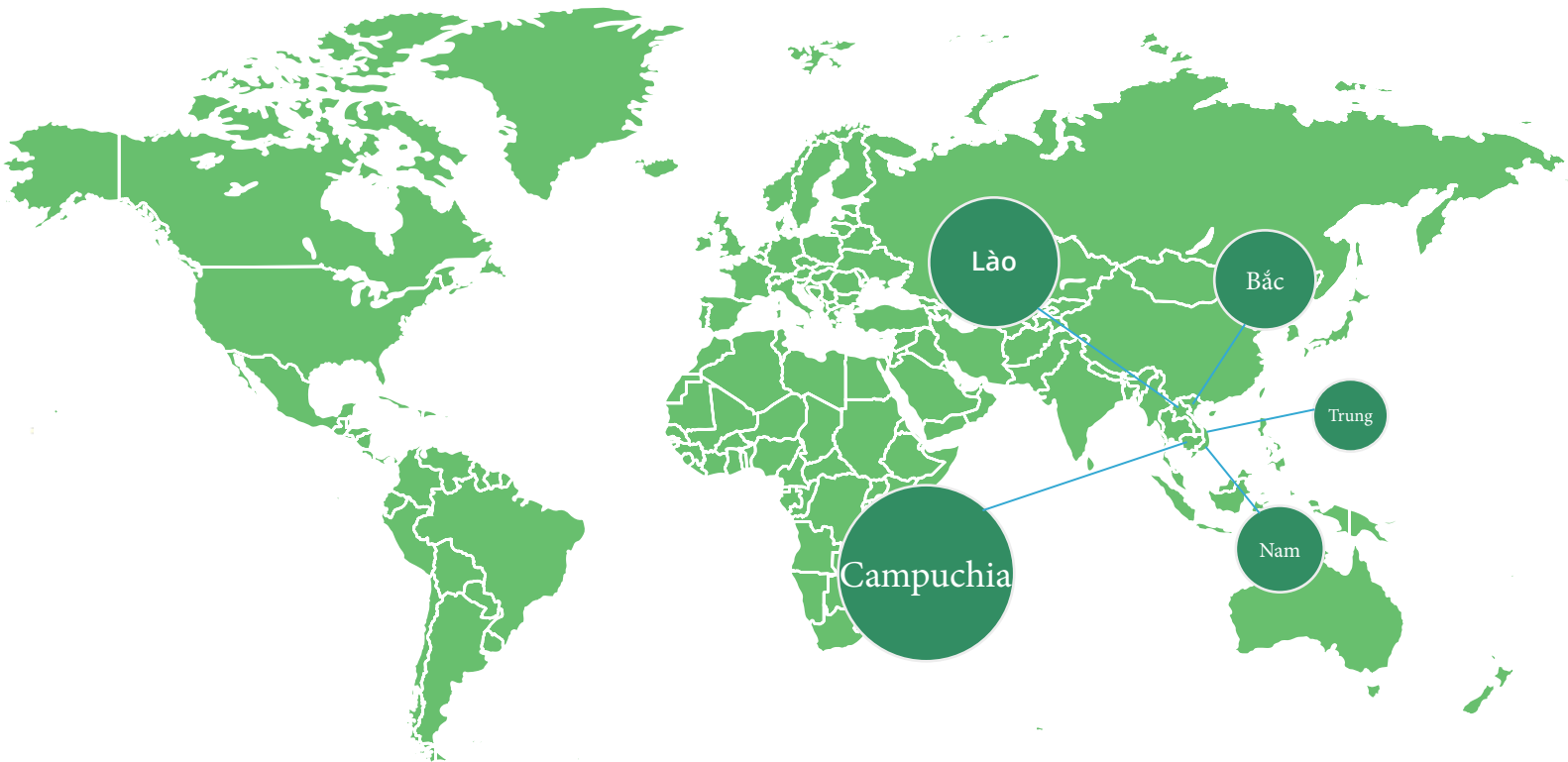


## Địa bàn hoạt động

### Trong nước:

- Miền Nam: Tp. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Cần Thơ, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Dương, Trà Vinh, Đồng Tháp
- Miền Bắc và miền Trung: Hà Nội, Hưng Yên, Quảng Nam.

Nước ngoài: Lào, Campuchia



Thuốc bảo vệ thực vật



Sản phẩm khác



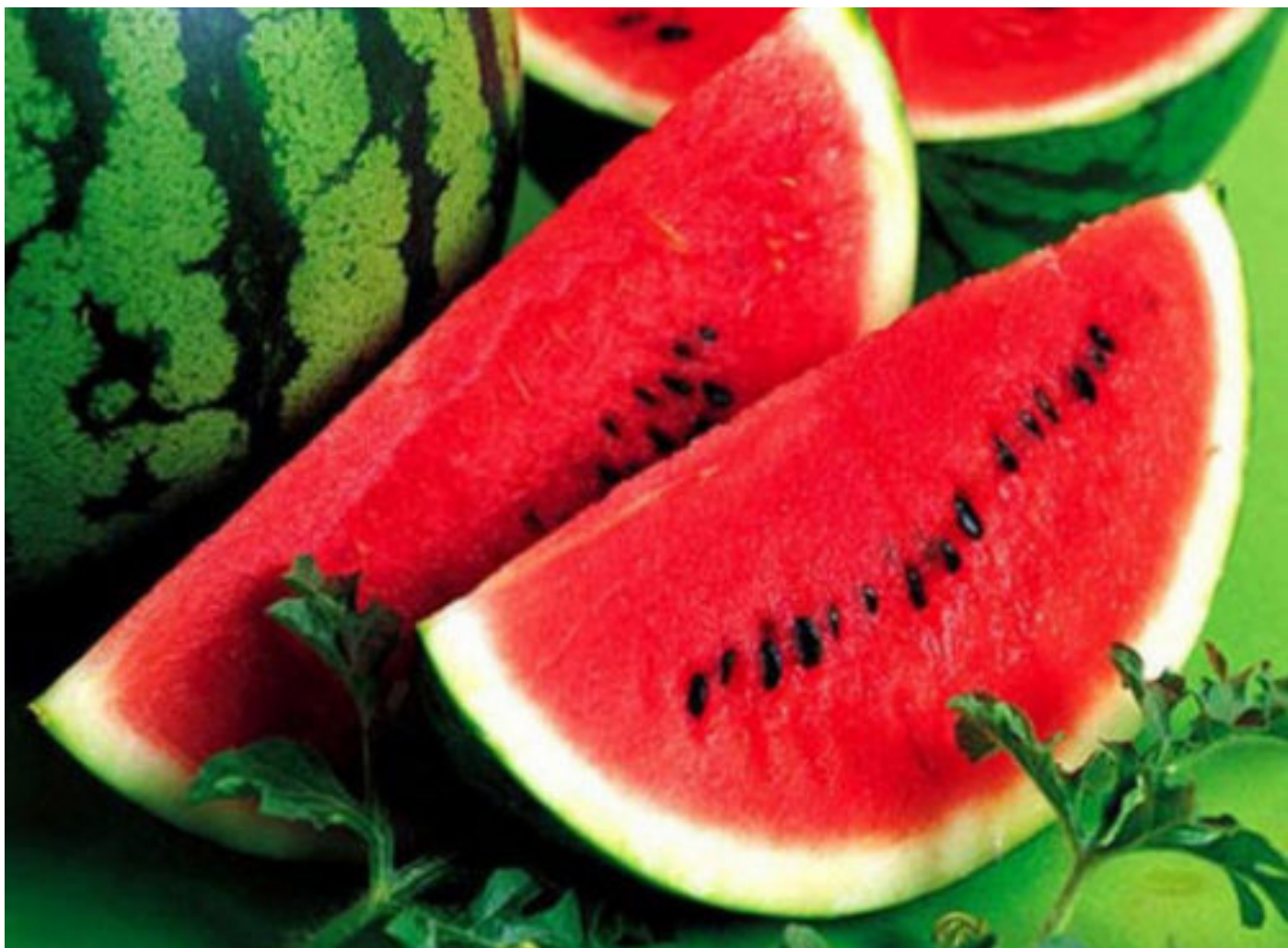
# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

## Mô hình quản trị

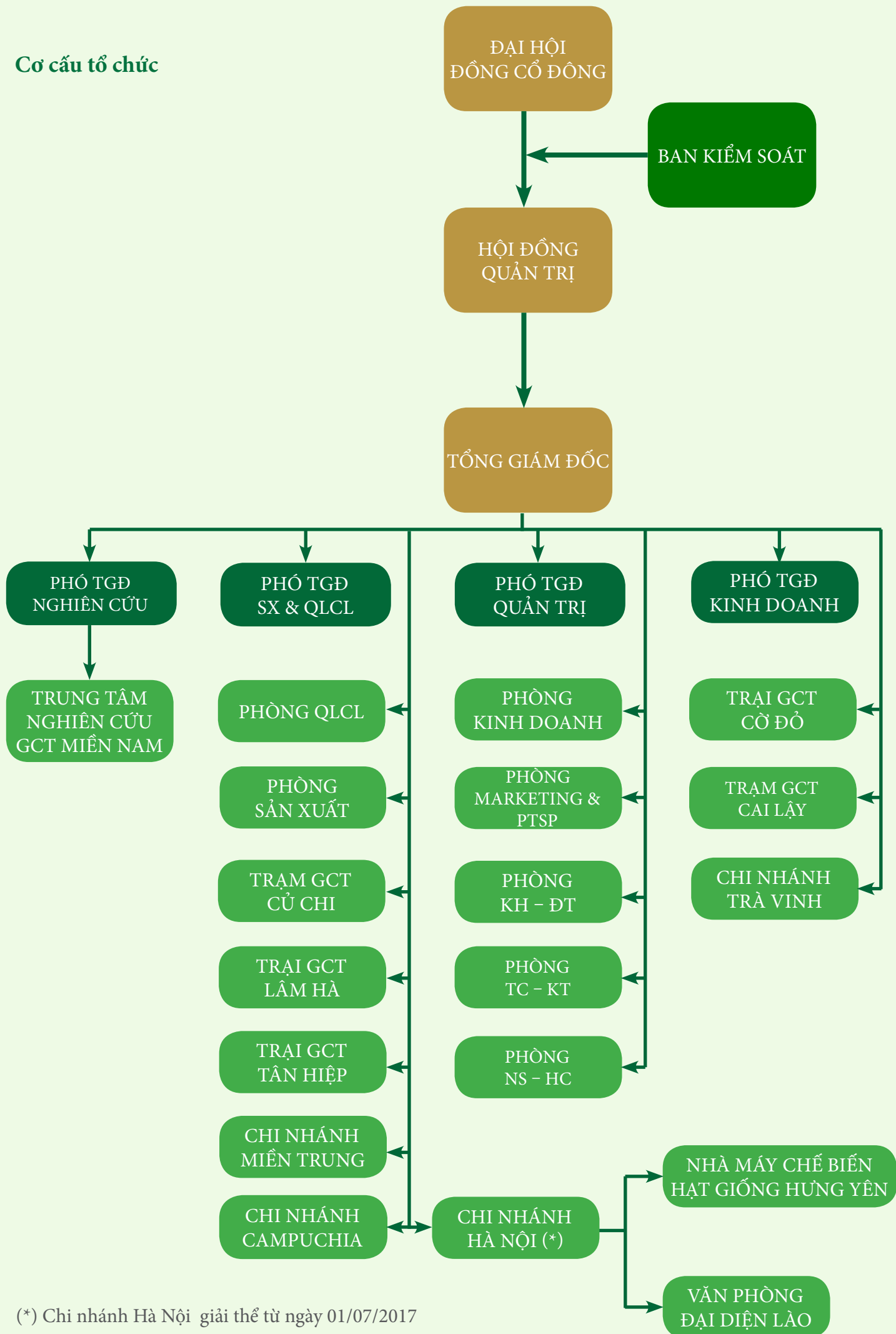
- Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam hoạt động theo mô hình quản trị được xây dựng và tổ chức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014 với các thiết chế quan trọng gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Là một Công ty đại chúng niêm yết khá lâu trên thị trường chứng khoán, Công ty áp dụng chặt chẽ, bám sát quy định, hướng dẫn của các Quy định hiện hành về cấu trúc Hội đồng quản trị cũng như vai trò của Ban Kiểm soát.
- Hiện nay, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên nhiệm kỳ mới là 5 năm (2015 – 2019), trong đó có 01 thành viên là thành viên độc lập không điều hành. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát và chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty.
- Bên cạnh Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát cũng là một thiết chế quan trọng đóng vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Trong SSC, Ban Kiểm soát là một cơ quan độc lập thực sự gồm 02 thành viên không phải là người có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, hoạt động độc lập với bộ máy điều hành và có chức năng quan trọng là thực hiện công tác giám sát để bảo vệ quyền lợi cho cổ đông, bảo vệ công ty và những người có quyền lợi liên quan đến SSC. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban kiểm soát là 05 năm.

## Công ty con, công ty liên kết

1. Công ty cổ phần Cơ khí Giống cây Trồng Miền Nam: Đang tiến hành thủ tục phá sản, chờ Tòa án Nhân dân TP/HCM ra phán quyết/quyết định phá sản.
2. Công ty Cổ phần Giống cây trồng An Nam: đã chuyển nhượng phần vốn của SSC tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An, tháng 11/2017



**Cơ cấu tổ chức**



(\*) Chi nhánh Hà Nội giải thể từ ngày 01/07/2017

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Mục tiêu chủ yếu của công ty

01

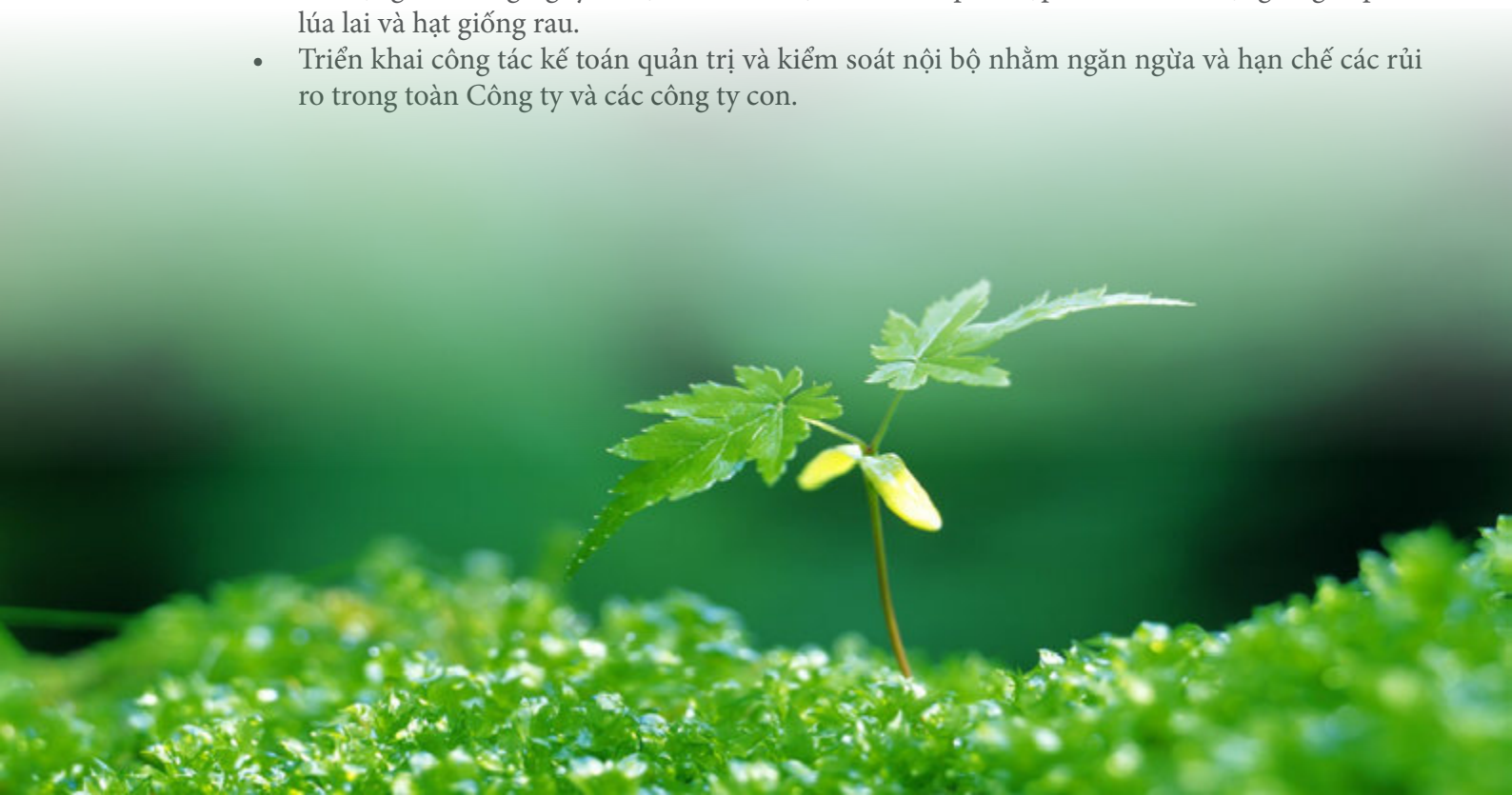
Tập trung phát triển sản phẩm mới:

- Công ty tập trung đẩy mạnh phát triển các loại giống mới, đặc biệt là lúa, bắp. Trong đó, Công tác nghiên cứu tạo giống mới được đặt lên hàng đầu, tạo những sản phẩm độc quyền mang tính thương hiệu cho công ty.
- Doanh thu tăng trưởng bình quân: hơn 10% (tỷ lệ sản phẩm độc quyền đến 2020 là 75%).
- Lợi nhuận biên (lãi gộp): trên 30%
  - Chi phí bán hàng: tối đa 8% trên doanh thu thuần hàng năm;
  - Chi phí quản lý: tối đa 8% trên doanh thu thuần hàng năm.
- Mục tiêu thị phần:
  - Chi phối thị trường ngô nếp, tăng sản phẩm lúa thuần ở ĐBSCL
  - Phát triển lúa lai nội địa và giảm dần lúa lai nhập khẩu; phát triển các sản phẩm rau lai.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

02

- Xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi phát triển doanh nghiệp trong thời gian tới. Công ty tập trung nguồn lực đào tạo các thế hệ kỹ sư nông nghiệp trình độ chuyên môn cao, tâm huyết.
- Tập trung hoàn thành dự án “Tái cấu trúc và xây dựng mô hình quản trị công ty” trong năm 2018; từng bước điều chỉnh chính sách tiền lương phù hợp yêu cầu phát triển của Công ty; tăng cường sử dụng các chế độ khoán, thưởng một số hoạt động nhằm động viên CBNV kịp thời.
- Tập trung công tác nghiên cứu thị trường, thử nghiệm để tạo ra những giống cây phù hợp nhu cầu thực tế, đảm bảo chất lượng tốt.
- củng cố công tác hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh của SSC, từ đó xác lập kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu cho các hoạt động, các đơn vị của Công ty.
- Đầu tư nâng cấp, đổi mới thiết bị, xây dựng mở rộng cơ sở vật chất kho tàng, máy móc thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, sản xuất – chế biến – bảo quản và công tác quản lý.
- Mở rộng các vùng nguyên liệu có điều kiện sinh thái phù hợp để sản xuất hạt giống bắp lai, lúa lai và hạt giống rau.
- Triển khai công tác kế toán quản trị và kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro trong toàn Công ty và các công ty con.



**Đối với người lao động:**

Công ty đặc biệt quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty, tạo môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch. Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành đối với người lao động. Đặc biệt, Công ty luôn đặt sự an toàn sản xuất lên hàng đầu, đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cần thiết trong quá trình sản xuất.

**Đối với khách hàng:**

Khách hàng của SSC chủ yếu là người nông dân, công ty về lĩnh vực nông nghiệp, do đó, Công ty luôn tiếp cận sâu sát, hướng hoạt động sản xuất của Công ty đến nhu cầu chung của người nông dân, làm người bạn đồng hành cùng nông dân qua mỗi mùa vụ.

**Đối với Nhà đầu tư/cổ đông hiện hữu của Công ty:**

SSC luôn công khai minh bạch thông tin theo đúng các quy định của luật chứng khoán, thị trường chứng khoán cũng như đáp ứng thông tin được truyền tải đầy đủ đến Nhà đầu tư.

**Đối với hoạt động sản xuất:**

Quy trình sản xuất sản phẩm hạt giống, không gây ô nhiễm và thân thiện với môi trường; hạn chế các loại sâu bệnh.



# YẾU TỐ RỦI RO



## Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

Năm 2017 là năm cả nước tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020. Tiếp nối thành công về mục tiêu tăng trưởng trong năm 2016, năm 2017 đánh dấu sự tăng trưởng bứt phá của nền kinh tế, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực gia tăng các ngành có hàm lượng công nghệ cao. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì thế mục đích của việc tìm hiểu các rủi ro nhằm kiểm soát các rủi ro này trong giới hạn có thể chấp nhận được.

### Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng trưởng 6,81% so với năm 2016. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2016. Sự ổn định của nền kinh tế được đảm bảo nhờ vào các định hướng chính sách xuyên suốt của Chính phủ và NHNN, cũng như nguồn vốn FDI đổ vào thị trường Việt Nam.

Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành thủy sản có mức tăng cao nhất với 5,54% do sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc so với năm 2016. Ngành nông nghiệp tăng 2,07% (năm 2016 tăng 0,72%), cho thấy dấu hiệu phục hồi của ngành nông nghiệp sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao đã mang lại hiệu quả.

Những thuận lợi về tình hình kinh tế, điều kiện thời tiết đã hỗ trợ tích cực cho các công ty trong ngành nông nghiệp nói chung và SSC nói riêng. Tuy nhiên, với xu hướng đang chuyển dịch dần sang các sản phẩm có hàm lượng khoa học và giá trị kinh tế cao,

ngày càng đòi hỏi các công ty về nông nghiệp phải tích cực đổi mới liên tục, bắt kịp với xu hướng thời đại.

## Rủi ro về biến động lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, các doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn vay lớn từ các ngân hàng thương mại thì việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây ra những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất trong năm tương đối ổn định, lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6% - 6,5% đối với ngắn hạn, 9% - 10%/năm đối với trung và dài hạn. Hiện nay, trong cơ cấu nguồn vốn Công ty sử dụng ít nợ vay, thế nên biến động của lãi suất ít ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

## Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như quy hoạch kinh tế vùng, cơ cấu cây trồng, thời tiết, dịch bệnh, những điều này tác động trực tiếp đến mức tiêu thụ sản phẩm của SSC. Nguyên vật liệu: Với bất cứ biến động nào của giá cả, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào đều ảnh hưởng mạnh đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của SSC. Về nguyên vật liệu chính của Công ty là hạt giống, là một Công ty hoạt động lâu đời, thiết lập và duy trì mối quan hệ khá dài và bền vững với các nhà cung cấp thông qua các hợp đồng cung ứng dài hạn; thêm vào đó là tốc độ tăng giá hạt giống đầu vào luôn ở mức hợp lý. Nhờ đó, việc tăng giá cả nguyên vật liệu không phải là thách thức lớn đối với Công ty.

Thời tiết: Thời tiết, khí hậu đóng vai trò đặc biệt ảnh hưởng đến năng suất, tiến độ tăng trưởng của cây trồng, gồm một số hiện tượng tiêu biểu: (1) Hiện tượng sương muối. (2) Hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, bão cũng ảnh hưởng không tốt đến năng suất, sự phát triển của cây trồng. Hiện nay trong cả nước, tình hình diễn biến khí hậu đang diễn ra khá phức tạp, khó lường, đặc biệt khó khăn cho hoạt động sản xuất trồng trọt.

Sâu bệnh: Hiện tượng cây trồng bị các loại sâu, rệp, mối, ve sầu, v.v... gây hại ở thân, rễ, lá hạn chế khả năng sinh trưởng hoặc hủy hoại cây. Tình hình sâu bệnh đang phát sinh và gây hại ngày càng đa dạng, phức tạp, ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và chất lượng giống cây trồng.

Xu hướng diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp: sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm gần đây và cũng là xu hướng trong tương lai dẫn đến sự thu hẹp dần của diện tích đất nông nghiệp. Bình quân mỗi năm cả nước mất đi 7.000 ha diện tích đất trồng lúa. Do đó, việc duy trì được diện tích 3,81 triệu ha đất trồng lúa đến năm 2020 theo như quy hoạch là khó khăn, thách thức khá lớn.

### **Rủi ro về thị trường**

Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường rất gay gắt giữa các công ty giống trong và ngoài nước về chính sách kinh doanh, giá cả, thị phần, công nghệ hạt giống ảnh hưởng đến việc phát triển các loại sản phẩm hạt giống của công ty. Trong số 10 tập đoàn phát triển hạt giống, cây giống chiếm khoảng 70% thị phần hạt giống rau thế giới, đã có 6 tập đoàn hiện diện tại VN với những tên tuổi như: Syngenta (Thụy Sĩ), Takii và Sakata (Nhật Bản), East West

(Hà Lan)... với tỷ lệ chiếm hữu lên đến trên 85% thị trường cây giống, hạt giống tại VN.

### **Rủi ro về luật pháp**

Là một Công ty Cổ phần, hoạt động của SSC chịu sự chi phối trực tiếp của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư, Công văn hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật tại Việt Nam trong quá trình hoàn thiện, khi có sự thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng tới công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Cụ thể là các chính sách về thay đổi cơ cấu, chuyển đổi giống cây trồng đã ảnh hưởng đến tâm lý nông dân cũng như tác động gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược, chính sách kinh doanh, thiết lập mạng lưới phân phối sản phẩm và hệ thống bán hàng. Do vậy, Ban lãnh đạo công ty cần chủ động cập nhật, nắm bắt những thay đổi trong chính sách và pháp luật để đề ra kế hoạch kinh doanh và định hướng phù hợp với tình hình.

### **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro bất khả kháng ít khi xảy ra nhưng một khi phát sinh thì thường gây thiệt hại lớn cả về người và tài sản cho công ty, như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn... Với phương châm hoạt động thận trọng, SSC đã mua bảo hiểm tài sản (nhà xưởng, hàng hóa, phương tiện vận tải...) và bảo hiểm tai nạn đối với người lao động nhằm hạn chế phần nào những rủi ro khách quan nói trên.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM







# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

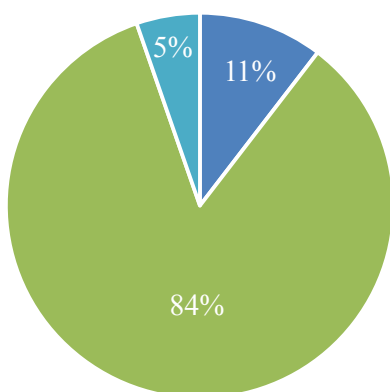
(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng/Giảm 2017
1	Doanh thu thuần	443.955	550.546	24,01%
2	Giá vốn hàng bán	313.000	391.640	25,12%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	2.398	2.608	8,77%
4	Chi phí tài chính	5.164	1.009	-80,47%
5	Chi phí bán hàng	47.171	36.418	-22,80%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.218	51.930	43,38%
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.800	72.158	61,07%
8	Lợi nhuận khác	107	1.965	1.739,27%
9	Lợi nhuận trước thuế	44.907	74.122	65,06%
10	Lợi nhuận sau thuế	35.774	64.681	80,80%
11	EPS	2.199	4.182	90,18%

Trong năm 2017, nhờ đổi mới phương thức bán hàng, cải thiện năng lực dự báo nhu cầu thị trường, tình hình kinh doanh của Công ty đã đạt được những thành quả đáng kể. Kết thúc năm 2017, doanh thu thuần đạt 550.456 triệu đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, việc tiết kiệm chi phí sản xuất đầu vào cũng như chi phí Marketing đã giúp lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 64,7 tỷ đồng tăng 80,80% so với cùng kỳ.

STT	Đơn vị	Khối lượng (kg)	Doanh thu (VNĐ)
1	Chi nhánh Hà Nội	1.485.510	57.199.463.670
2	Hội sở Công ty	24.144.041	464.216.561.620
3	Chi nhánh miền Trung	1.110.096	29.130.352.572
4	Tổng cộng	26.739.647	550.546.377.862

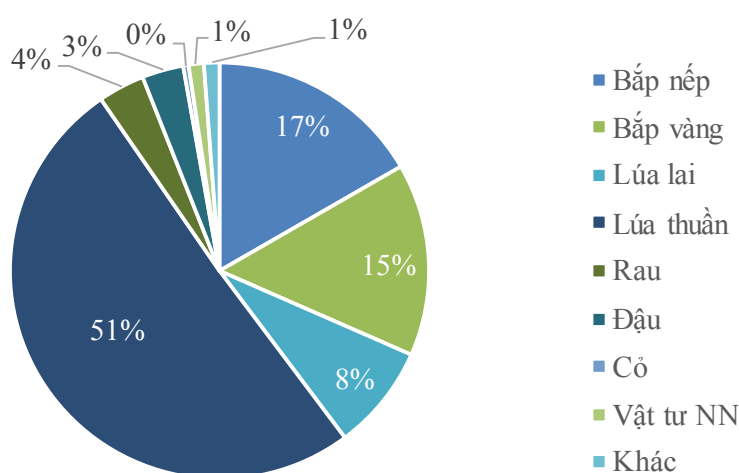
### Cơ cấu doanh thu theo đơn vị kinh doanh 2017



■ Chi nhánh Hà Nội ■ Hội sở Công ty ■ Chi nhánh miền Trung

## Cơ cấu sản lượng tiêu thụ theo nhóm sản phẩm

Nhóm SP	Khối lượng (Kg)	Doanh thu
Bắp nếp	772.025	91.679.546.595
Bắp vàng	2.410.964	82.280.898.656
Lúa lai	745.659	45.092.066.780
Lúa thuần	20.759.982	278.770.207.154
Rau	100.898	19.800.649.348
Đậu	348.697	17.604.961.043
Cỏ	13.270	2.310.877.001
Vật tư NN	42.586	6.424.918.442
Khác	1.545.566	6.582.252.843
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.739.647</b>	<b>550.546.377.862</b>



## Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	550.546	522.418	5%
2	Lợi nhuận trước thuế	74.122	48.701	52%
3	Lợi nhuận sau thuế	64.681	43.073	50%

Nhằm thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch sản xuất của Đại hội đồng cổ đông đề ra, trong năm Ban điều hành đã đưa ra các kế hoạch cụ thể, phù hợp với nhu cầu thực tế. Nhờ vậy, Doanh thu thuần năm 2017 đạt hơn 550 tỷ đồng vượt kế hoạch 5%. Công tác quản lý chi phí được đẩy mạnh trong năm đem lại những hiệu quả vượt trội. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế đạt gần 65 tỷ đồng, vượt kế hoạch 50%. Đây là thành quả đáng khen ngợi, và là động lực để Ban điều hành cũng như đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty tiếp tục phấn đấu hoàn thành kế hoạch trong thời gian tới.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Thành viên Ban Điều hành

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
1	Ông Bùi Quang Sơn	Tổng Giám Đốc	0	0
2	Ông Lê Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	2.116	0,01
3	Ông Trịnh Minh Hợp	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	0	0
5	Ông Nguyễn Quốc Phong	Phó Tổng Giám đốc	0	0
6	Ông Nguyễn Đình Nam	Kế toán trưởng	0	0

## Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2017, Ban Điều hành có sự thay đổi như sau:

- Bổ nhiệm ông Bùi Quang Sơn giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 01/ 01/2017 thay thế cho ông Hàng Phi Quang.
- Bổ nhiệm ông Lê Minh Chánh, Phó Tổng Giám đốc, từ ngày 01/01/2017;
- Bổ nhiệm ông Trịnh Minh Hợp, Phó Tổng Giám đốc, từ ngày 01/01/2017;
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Hoàng Anh, Phó Tổng Giám đốc, từ ngày 01/09/2017;
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Nam, Kế toán Trưởng Công ty, từ ngày 01/09/2017;
- Miễn nhiệm ông Lê Quang Hồng, Kế toán trưởng Công ty, từ ngày 01/09/2017.



## Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động tính đến ngày 31/12/2017

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>		
1	Trình độ đại học và trên đại học	143	51%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	62	22%
3	Công nhân kỹ thuật	23	8%
4	Lao động phổ thông	50	18%
<b>B</b>	<b>Theo hợp đồng lao động</b>		
1	Toàn thời gian	278	100%
2	Bán thời gian	0	0%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	212	76%
2	Nữ	66	24%

- Định hướng

Tiếp tục thay đổi mạnh mẽ hơn, các vị trí quản lý không đáp ứng thì chuyển công tác, thay thế hoặc luân chuyển. Xây dựng chế độ tiền lương, phúc lợi để khuyến khích/thu hút cấp lãnh đạo/quản lý. Tiếp tục đào tạo, quy hoạch nhóm cán bộ kế thừa để chuẩn bị nguồn lực thay thế cho các năm sau theo yêu cầu phát triển.

### Chính sách người lao động

- Các chính sách nhân sự

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ đối với người lao động theo quy định của Pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN theo tiền lương thực nhận), duy trì các hoạt động tổ chức đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên). Ngoài ra Công ty còn thực hiện tốt các chính sách liên quan người lao động như Bảo hiểm Tai nạn con người (24/24), khám sức khỏe định kỳ, duy trì trợ cấp nghỉ việc cho các cán bộ hưu trí, nâng lương, thưởng định kỳ các ngày Lễ trong năm; xét thưởng hàng Quý, thưởng thi đua 6 tháng một lần, tham quan du lịch, CBNV được tham gia các chương trình đào tạo trong và ngoài nước.



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

## Tình hình đầu tư:

Mua cổ phiếu quỹ SSC, số lượng mua là: 1.475.512 cổ phiếu

Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của SSC tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An (NAS), số lượng 420.000 cổ phần.

## Tình hình thực hiện dự án:

STT	Tên dự án đầu tư	Kế hoạch phê duyệt	Giá trị thực hiện		Tổng giá trị thực hiện
			TH 6TDN	TH 6TCN	
1	Trại Cờ Đỏ	3.559	2.954	2.877	5.831
2	Trạm Cai Lậy	975	765	451	1.216
3	CN.Hà Nội	245	-	-	-
4	CN. Miền Trung	-	165	-	165
5	NM.Trà Vinh	-	54	360	414
6	Trụ sở chính Công ty	1.350	1.320	-	1.320
	Tổng cộng	6.129	5.258	3.688	8.946

## Tình hình hoạt động của các Công ty con

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam (SSE):

Hiện nay, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình xin phá sản theo quy định hiện hành

Công ty cổ phần Giống cây trồng An Nam

Ngày 28/11/2017, SSC chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An, số cổ phần chuyển nhượng 420.000 cổ phần, chiếm 70% vốn điều lệ, và Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An chính thức không còn là con ty con của SSC nữa khi thủ tục hoàn tất.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng / giảm 2016
1	Tổng tài sản	397.568	405.006	1,87%
2	Doanh thu thuần	443.955	550.546	24,01%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.800	72.158	61,07%
4	Lợi nhuận khác	107	1.965	1739,27%
5	Lợi nhuận trước thuế	44.907	74.122	65,06%
6	Lợi nhuận sau thuế	35.774	64.681	80,80%

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2016	2017
<b>I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
1	Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	5,86	2,88
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,04	1,94
<b>II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	12,46	25,83
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	14,24	34,83
<b>III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	1,73	3,39
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	0,99	1,37
<b>IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,06%	11,75%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	10,12%	19,95%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	7,96%	16,12%
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,09%	13,11%



### Về khả năng thanh toán

Trong năm, hệ số thanh toán của công ty đều có xu hướng giảm, đặc biệt hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 giảm xuống 2,88 lần. Trong khi đó, hệ số thanh toán nhanh cũng giảm xuống 1,94 lần, do công ty đã thực hiện các khoản vay ngắn hạn làm cho giá trị nợ ngắn hạn tăng, dẫn đến các hệ số về khả năng thanh toán giảm mạnh. Tuy nhiên, công ty vẫn duy trì hệ số thanh toán ở mức an toàn nhằm đảm bảo nghĩa vụ tài chính của mình.



### Về cơ cấu vốn

Công ty đang có xu hướng tăng cường sử dụng đòn bẩy tài chính, thể hiện ở việc tỷ trọng nợ trên tổng tài sản tăng từ 12% lên 26%, trong đó chủ yếu do các khoản vay nợ ngắn hạn và phải trả ngắn hạn tăng lên nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường và sản xuất.



### Về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho tăng cao so với năm 2016, đạt mức 3,39 vòng. Chủ yếu do trong năm 2017, công ty mở rộng được thị trường, các sản phẩm hạt giống của Công ty được tiêu thụ mạnh. Bên cạnh đó, doanh thu thuần của Công ty tăng trưởng 24%, giúp chỉ số hiệu suất sử dụng tài sản tăng cao đạt 1,37 lần.



### Về khả năng sinh lời

Nhờ các chính sách cải cách, tiết kiệm chi phí, nắm bắt nhu cầu thị trường đã giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp của Công ty. Do đó, trong năm 2017 tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu đạt 20%, tăng trưởng gần gấp đôi so với năm 2016 chỉ đạt 10,12%. Các chỉ số khác đo lường tỷ suất sinh lợi cũng được cải thiện đáng kể trong năm. Cụ thể: tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần đạt 11,75%, tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản đạt 16,12%.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

## Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 14.992.367 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 13.516.855 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 1.475.512 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

## Cơ cấu cổ đông năm 2017

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ /VĐL
Cổ đông trong nước	699	14.790.130	98,651%
Tổ chức	669	884.640	5,901%
Cá nhân	30	13.905.490	92,750%
Cổ đông nước ngoài	141	202.237	1,349%
Tổ chức	134	151.071	1,008%
Cá nhân	7	51.166	0,341%
<b>Tổng cộng</b>	<b>840</b>	<b>14.992.367</b>	<b>100%</b>

## Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Trong năm 2017, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

Các giao dịch cổ phiếu quỹ:

Đăng ký mua lại cổ phiếu quỹ: 1.470.000

Thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ: 1.414.100

Số lượng cổ phiếu quỹ cuối năm: 1.475.512

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ /VĐL
Cổ đông lớn			
1	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	10.123.804	67,526%
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	1.433.090	9,559%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11.556.894</b>	<b>77,085%</b>





# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Với phương châm hoạt động “Vi cuộc sống nhà Nông”, SSC kiên định hướng tầm nhìn, sứ mệnh và lựa chọn mục tiêu dài hạn, phạm vi hoạt động rộng khắp nhằm từng bước tạo dựng vị thế của một trong ba Công ty ngành giống hàng đầu Việt Nam. Công ty hướng đến sự bền vững để phát triển, chung tay xây dựng một nền nông nghiệp gắn liền với hiện đại hóa, công nghiệp hóa, ngay từ đầu đã xây dựng theo mô hình nghiên cứu – sản xuất và cung ứng tiên tiến, và đã thực sự trở thành một doanh nghiệp ngành giống có lịch sử gắn bó lâu dài với sự phát triển của ngành nông nghiệp và cuộc sống của người dân.

SSC tin rằng với quyết tâm vì mục tiêu chất lượng và dịch vụ cung ứng hạt giống tốt nhất để mang đến nhiều cơ hội tốt đẹp cho cuộc sống của nông dân, Công ty sẽ ngày càng khẳng định vị thế của mình cũng như tạo dựng một thương hiệu bền vững, gắn bó lâu dài với nhà nông. Lãnh đạo và cán bộ nhân viên SSC là những con người yêu nghề, luôn cam kết theo đuổi chất lượng sản phẩm.

Công ty luôn tuân thủ các pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các nguồn nguyên liệu, vật liệu. Trong năm 2017, Công ty không vi phạm bất kỳ quy định nào của Nhà nước về bảo vệ môi trường.



## Chính sách liên quan đến người lao động

- Thu nhập CBNV năm 2017 cao hơn các năm trước; Chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi, đãi ngộ tốt hơn các năm trước.
- Bên cạnh đó, Công ty còn thể hiện sự quan tâm đối với người lao động bằng các chính sách về đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động như: du lịch nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn con người (24/24).
- Nhận thức được tầm quan trọng trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo liên quan về an toàn lao động, PCCC, vận hành thiết bị an toàn sử dụng hóa chất.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng xã hội

Bên cạnh những mục tiêu phát triển về doanh thu, lợi nhuận, SSC còn mong muốn đóng góp vào sự phát triển của địa phương. Công ty đã có những hành động cũng như cách thức hoạt động thiết thực nhằm thể hiện trách nhiệm với môi trường và cộng đồng, cụ thể như:

- SSC sản xuất giống đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nhưng không gây ô nhiễm về môi trường.
- Nông dân sử dụng nguồn nước thiên nhiên để sản xuất lúa giống không gây hiện tượng cục bộ về khô hạn.
- Kiểm tra các thông số về quan trắc môi trường hàng năm tại các Trạm/Trại/Chi nhánh; công tác an toàn phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy sản xuất, chế biến hạt giống.

### Công tác xã hội:

- Hỗ trợ Hội Khuyến học tỉnh Bình Thuận; Phụng dưỡng 01 bà mẹ Việt Nam Anh Hùng tại xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi từ năm 2015: Mẹ Phạm Thị Cừu, sinh năm 1927, mức cấp dưỡng hàng tháng: 1.400.000 đồng/tháng cho đến cuối đời.
- Đóng góp Quỹ tương trợ cho công đoàn Khối Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn; Quỹ vì người nghèo Thành phố.
- Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt; Công đoàn thăm hỏi, tặng quà gia đình đoàn viên công đoàn/người lao động, có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán 2018.
- Hỗ trợ UBND Phường 1, Quận Tân Bình, chăm lo hộ chính sách Tết Nguyên đán 2018 với tổng số tiền là 83.000.000 đồng.

# **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**





# ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2017

## Bối cảnh chung

Năm 2017, nền sản xuất nông nghiệp tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết biến đổi thất thường, bão, mưa lớn ngập úng, hiện tượng lũ sớm ở Đồng bằng sông Cửu Long ảnh hưởng đến tiến độ, diện tích và năng suất cây trồng.

Bên cạnh đó, thị trường nông sản thay đổi nhanh chóng cũng góp phần ảnh hưởng đến cơ cấu chủng loại trong kế hoạch sản xuất của SSC. Các giống mới trên thị trường được tung ra liên tục, áp lực cạnh tranh từ đó cũng tăng cao, thế nhưng các giống mới của đối thủ hiện nay chưa tác động đến sản phẩm của SSC. Trong năm 2017, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, đặc biệt đối với các giống cây trồng cận và giống lúa thuần để đáp ứng nhu cầu hiện tại của thị trường. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh hoạt động Marketing để tăng cường sức mạnh cạnh tranh trên thị trường. Nhờ những nỗ lực không ngừng của tập thể Cán bộ công nhân viên, trong năm 2017 Công ty đã đạt những nhiều thành công.



## Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty

- Sản phẩm lúa thuần độc quyền của Công ty được phát triển mạnh, tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% doanh thu nên hưởng chính sách ưu đãi thuế. Bên cạnh đó, việc kiểm soát tốt các chi phí, xử lý các vấn đề tồn đọng tài chính các năm trước góp phần cải thiện tình hình tài chính của Công ty.
- Công ty thực hiện sử dụng phương pháp Marketing trực tiếp, thiết thực gây hiệu ứng đúng mục tiêu của người nông dân mong đợi, hỗ trợ tốt cho khách hàng, linh hoạt trong điều hành, chính sách bán hàng tăng tính cạnh tranh.
- Xây dựng được vùng nguyên liệu sản xuất ổn định, đáp ứng nhu cầu tốt
- Phương pháp định giá thu mua theo tuần phù hợp thị trường nông sản, tổ chức và quản lý tốt hao hụt khâu thu mua, nhập kho. Qui định tỷ lệ % hạt chắc dưới sàng, kiểm tra hạt dưới sàng trước khi bán tận thu.
- Phối hợp giữa kinh doanh và chế biến tốt hơn, giảm mức chế biến tồn trữ dưới dạng bán thành phẩm để cắt giảm chi phí.
- Thực hiện công tác dự báo thị trường tốt, điều chỉnh kế hoạch sản xuất thường xuyên, cơ cấu chủng loại, quy mô hàng hóa.



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	% tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	443.955	550.546	24%
2	Lợi nhuận trước thuế	44.907	74.122	65%
3	Lợi nhuận sau thuế	35.774	64.681	81%





### Về doanh thu

Năm 2017, Công ty chịu ảnh hưởng từ diễn biến thời tiết thất thường kéo dài từ giữa năm 2016 tới nay, thêm vào đó là sự cạnh tranh không chỉ đến từ các đối thủ nội địa mà còn có cả các đối thủ ngoại đang gia nhập vào thị trường giống cây trồng được đánh giá có tiềm năng của Việt Nam, tuy nhiên giống mới của đối thủ chưa ảnh hưởng nhiều đến sản phẩm công ty chưa kể với các giống độc quyền của công ty dẫn đến doanh thu thuần năm 2017 tăng 24% với cùng kỳ.



### Về chi phí

Xét về cơ cấu chi phí hoạt động, năm 2017 không có nhiều biến động, tuy nhiên có sự thay đổi nhỏ về thứ tự chiếm tỷ trọng của các yếu tố cấu thành tổng chi phí hoạt động. Giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng từ 71% qua các năm. Tuy nhiên chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đổi vị trí với nhau trong xếp hạng tỷ trọng chi phí hoạt động, nếu như chi phí bán hàng năm 2016 đứng vị trí thứ 1 trong cơ cấu chi phí hoạt động với 11% so với doanh thu thuần thì năm nay chỉ chiếm 6,6%. Ngược lại đối với chi phí quản lý doanh nghiệp, chiếm 8,2% tỷ trọng trong năm 2016 thì trong năm 2017 lại đứng thứ 2 khi chiếm đến 9,4% tổng tỷ trọng cơ cấu chi phí hoạt động. Các khoản chi phí khác có tỷ trọng không đáng kể.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

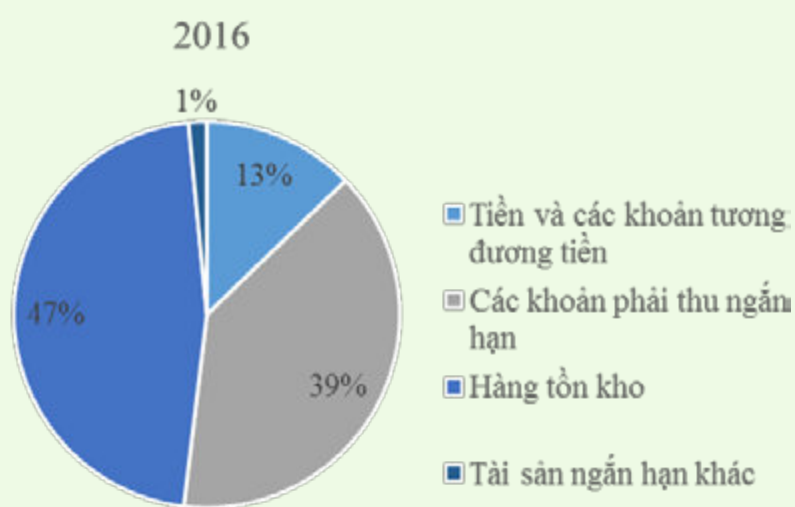
## Tình hình tài sản

Năm 2017, hàng tồn kho giảm 25,6% so với năm 2016, tuy nhiên với mức giảm không cao cùng với các khoản tiền và các khoản tương đương tiền tăng trong năm cho nên tài sản ngắn hạn chỉ tăng 5,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Tiêu chí	2016	2017	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng 2017
1	Tài sản ngắn hạn	284.601	301.111	5,80%	74%
2	Tài sản dài hạn	112.968	103.895	-8,03%	26%
3	Tổng tài sản	397.568	405.006	1,87%	100%

## Cơ cấu tài sản chi tiết năm 2017



### Về cơ cấu tài sản ngắn hạn:

Các khoản phải thu ngắn hạn là khoản mục có tỷ trọng chủ yếu, chiếm 44% trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn. Xếp thứ 2 là hàng tồn kho chiếm 33% trong cơ cấu và kế đến là 22% của khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền. Tài sản ngắn hạn khác chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn.

### Về cơ cấu tài sản dài hạn:

Giá trị tài sản cố định chiếm tới 83% tổng giá trị tài sản dài hạn, trong đó phần lớn là nhà cửa và máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất.

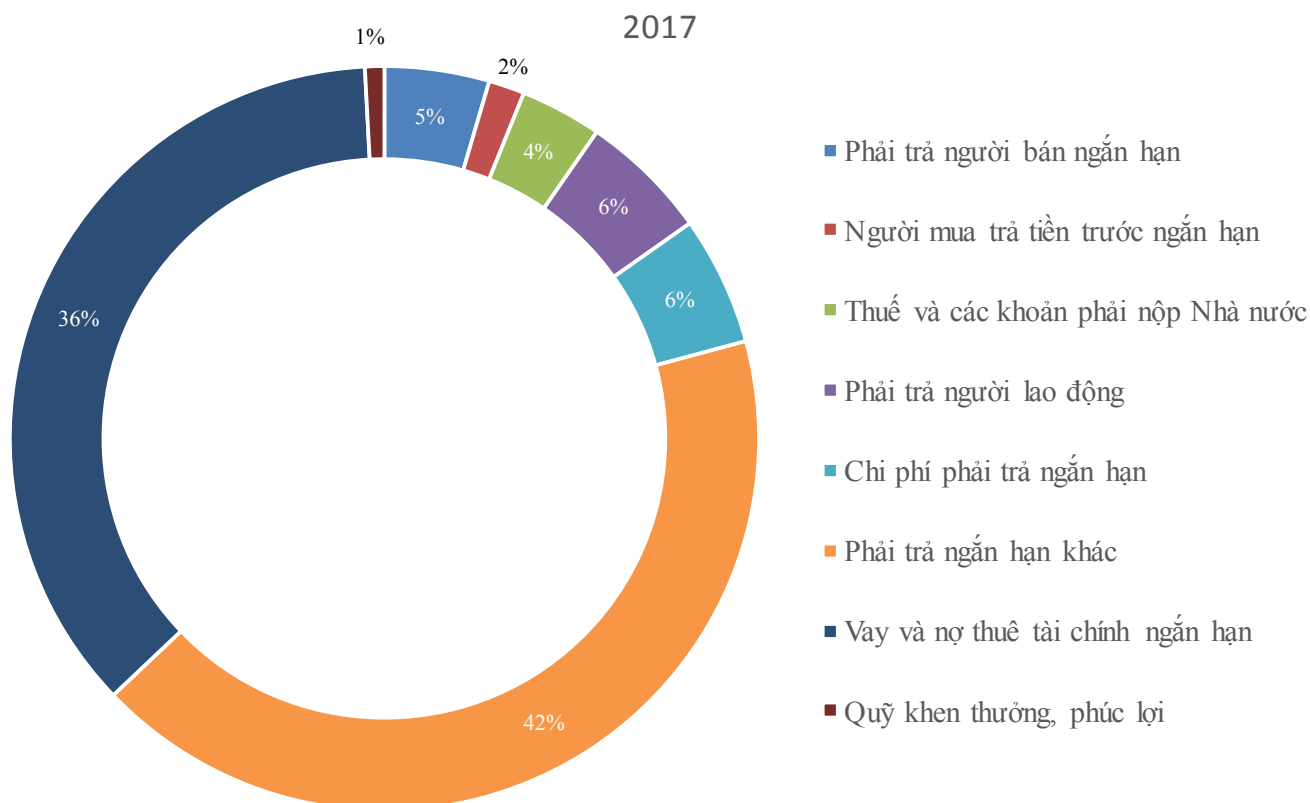
## Tình hình nợ phải trả

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Tiêu chí	2016	2017	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	48.594	104.626	115,30%
2	Nợ dài hạn	947	0	-100,00%
3	Tổng nợ	49.542	104.626	111,19%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, nợ ngắn hạn năm 2017 có chiều hướng tăng cao thể hiện ở mức tăng đến 2,15 lần so với năm trước. Nợ ngắn hạn tăng chủ yếu ở các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải nộp ngắn hạn do một số phát sinh trong hoạt động kinh doanh và sản xuất.

**Cơ cấu chi tiết nợ phải trả ngắn hạn như sau:**



Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, các khoản phải trả và nộp ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng lớn lên đến 42% trong cơ cấu nợ ngắn hạn 2017. Xếp thứ 2 là khoản mục vay ngắn hạn với 36% trong cơ cấu nợ phải trả ngắn hạn. Trong năm nay, khoản phải trả và nộp ngắn hạn cũng như vay ngắn hạn tăng mạnh, do công ty sử dụng đòn bẩy tài chính và một số khoản nộp phát sinh trong hoạt động kinh doanh.



# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2017, những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý mà Công ty đã đạt được như sau:

- Cơ cấu tổ chức: Sắp xếp lại bộ phận sản xuất, định biên lại lao động các đơn vị, bổ nhiệm thay đổi cán bộ quản lý đáp ứng theo yêu cầu phát triển Công ty.
- Chính sách hoạt động: Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất ổn định, kiểm soát được giá thành sản xuất, phát triển được thương hiệu SSC.
- Công tác quản lý Công ty:
- Xây dựng các quy chế quản trị Công ty : Quy chế kinh doanh, Quy chế quản lý hành chính, Quy chế quản lý chất lượng giống cây trồng;
- Kiểm soát chi phí giá thành sản xuất;
- Kiểm soát chi phí liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bức tranh tăng trưởng kinh tế cũng như phát triển trong ngành giống cây trồng năm 2017 đã có nhiều nét tích cực. Ngành nông nghiệp tuy còn bị ảnh hưởng bởi thời tiết thất thường và vẫn phải đối mặt với nhiều bất ổn về chính trị. Tuy nhiên với sự cải thiện về các hoạt động kinh doanh, đầu tư. Trong năm 2017, tình hình kinh tế thế giới được cải thiện so với năm 2016, tăng trưởng ngành nông nghiệp dự báo khởi sắc ở các năm tiếp theo. Dựa trên thực tế sản xuất kinh doanh năm 2017 và dự báo cho năm 2018, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam đã đề ra các chỉ tiêu kế hoạch và hoạt động cho năm 2017 như sau:

- Sản phẩm mới: Sản xuất và tiêu thụ trong Q3, Q4 làm tiền đề cho các năm về sau (Bí đỏ hạt đậu 64. Dưa hấu không hạt số 23, số 27, và dưa hấu có hạt số 60, giống bầu sao F1)
- Sản phẩm đã kinh doanh: Tiếp tục giải phóng tồn kho trong năm 2018 và không sản xuất mới
- Sản phẩm còn tiêu thụ và sản xuất mới: Làm mới lại bao bì nhãn hiệu
- Định mức chi phí dịch vụ vận chuyển để giảm giá thành (thu mua, kinh doanh);
- Chọn nhà cung ứng có giá cạnh tranh để sử dụng hiệu quả chi phí mua vật tư đầu vào;
- Kiểm soát thông tin giá nông sản để quyết định giá mua hợp lý; Sử dụng hiệu quả vòng quay lưu kho, kho thuê.
- Quản lý hao hụt sau thu hoạch (mùa nắng tổng hao hụt <15%, mùa mưa tổng hao hụt <20%)
- Định mức từng phân đoạn trong chế biến bảo quản để giảm giá thành (cho từng trại)
- Rà soát lại quy chế hành chính; các quy trình chế biến sản xuất, hợp đồng sản xuất; để điều chỉnh hợp lý và ban hành kiểm soát.
- Hệ thống kế toán phát huy công tác quản trị để phát hiện xử lý những bất cập kịp thời tại các cơ sở theo từng tháng;
- Phân quyền cho các cán bộ chủ chốt và có kiểm soát;
- Tuyển dụng, điều động, tăng cường nhân sự kịp thời cho các bộ phận; Kiện toàn bộ máy tổ chức phù hợp;
- Đầu tư xây dựng cơ bản triển khai kịp thời sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua.







# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

## Bối cảnh chung

Năm 2017, biến đổi khí hậu toàn cầu vẫn tiếp tục khiến diễn biến thời tiết khá thất thường ảnh hưởng chung đến nền nông nghiệp thế giới. Bên cạnh đó, hội nhập kinh tế toàn cầu tạo ra nhiều cơ hội, đồng thời các doanh nghiệp cũng phải xác định được đâu là thế mạnh của mình để phát huy trong thế giới ngày càng phẳng. Riêng đối với ngành hạt giống, trong năm nhu cầu nội địa tăng cao, cùng với đó tình hình cạnh tranh cũng trở nên ngày càng gay gắt trên thị trường, nhất là sự tăng cường tiếp thị của các công ty giống nước ngoài và sự ra đời của các công ty giống mới.

Đứng trước bối cảnh trên, hoạt động SXKD của Công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

### Thuận lợi:

- Nhóm lúa:
  - Sản phẩm độc quyền Đài thơm 8, CX247, KC06-1, OM được nông dân chấp nhận, có triển vọng lớn từ năm 2017.
  - Lúa lai tiêu thụ khá tốt ở thị trường truyền thống.
  - Chất lượng ổn định, thương hiệu từng bước được củng cố.
  - Sở hữu trí tuệ được các ban ngành ủng hộ.
  - Các giống có thương hiệu nguồn SSC như: Đài Thơm 8, OM 4900 phát huy khá tốt, góp phần doanh thu cao 2017 trong cơ cấu cùng nhóm.
  - Quý 2/2017, được Viện Lúa ĐBSCL ký kết chuyển giao bản quyền giống lúa OM8959, OM341, OM344 và OM nếp 406.
- Nhóm bắp nếp
  - Tiêu thụ và chiếm thị phần khá lớn trên thị trường Việt Nam và có khả năng duy trì trên thị trường, chờ sản phẩm mới bổ sung.
  - Thị trường Campuchia, từng bước tiêu thụ có chiều hướng tăng nhẹ, tuy còn hạn chế lượng bán.
- Bắp vàng:
  - Sản phẩm LVN10 thị trường Lào và Campuchia có thương hiệu nhất định, theo đánh giá cạnh tranh tốt hơn sản phẩm LVN 10 của đối thủ.
- Nhóm rau – đậu:
  - Thương hiệu đậu xanh ĐX 208, một số nhóm rau OP được nông dân đánh giá khá cao và chuộng hơn.





#### **Khó khăn:**

- Thiếu hụt nước và đất canh tác, ảnh hưởng diện tích sản xuất lúa giống, diện tích gieo trồng, bán hàng giảm so mục tiêu đề ra;
- Bộ sản phẩm rau – bắp vàng chưa đủ mạnh, sản phẩm chiến lược dẫn dắt thị trường chưa có, các sản phẩm độc quyền còn hạn chế so nhu cầu kinh doanh;
- Nông sản phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng phức tạp và khắt khe, cạnh tranh gay gắt với các nước đang đẩy mạnh sản xuất;
- Đầu tư cơ sở vật chất chưa đáp ứng hết cho sản xuất, kế hoạch sản xuất và kinh doanh chưa theo kịp thị trường, sản xuất thừa, thiếu;
- Các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư, mở rộng thị trường trong nước;
- Nhân sự kinh doanh marketing còn còn mỏng, thu thập thông tin còn hạn chế.
- Hệ thống quản trị chưa đồng bộ, sự kết nối các bộ phận chưa tốt, mất cơ hội sản xuất và kinh doanh.

## Đánh giá về tình hình hoạt động của Công ty



- Hoạt động marketing
  - Bước đầu xây dựng cơ bản hệ thống nhận diện thương hiệu.
  - Cải thiện về thiết kế, trang trí và nội dung;
  - Thay đổi tư duy và thực hiện giải pháp tiếp cận khách hàng phù hợp và hỗ trợ tốt cho kinh doanh.
  - Loại bỏ giải pháp marketing không phù hợp, giảm chi phí rất cao
  - Kết nối các giữa đại lý – nông dân – nhà thu mua nông sản tốt.



- Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm
  - Bộ môn lúa
    - Có nhiều sản phẩm chiến lược phù hợp biến đổi khí hậu, thị trường nông sản;
  - Bộ môn bắp:
    - Thành công về sản phẩm mới và sẽ bổ sung kịp thời cho chiến lược (bắp vàng, bắp nếp)
  - Bộ môn rau:
    - Chọn được vài sản phẩm có độ lớn thị trường lớn (khổ qua, bí, dưa hấu, dưa leo)
    - Công nhận giống mới kịp thời



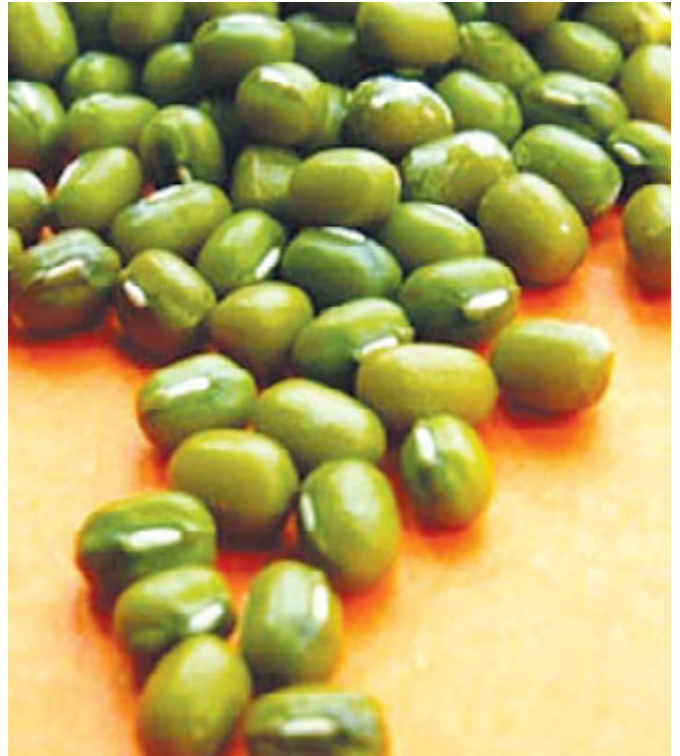
- **Hoạt động sản xuất, kinh doanh**
  - Dự báo thị trường tốt, điều chỉnh thường xuyên kế hoạch sản xuất, cơ cấu chủng loại, quy mô, không để hàng hóa tồn kho, khó bán.
  - Đồng bộ chính sách bán hàng, không phân biệt đối tượng, chuyển đến tận tay khách hàng.
  - Chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp thị trường, kích thích đại lý, đối thủ khó copy.
  - Xây dựng hệ thống đại lý đủ mạnh cho hiện tại và tương lai.
  - Cải thiện dịch vụ giao hàng, định mức chi phí vận chuyển, giảm phí so cùng kỳ trên 2 lần.

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

## Những mặt làm được

HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành tích cực triển khai các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2017, bao gồm:

- Hoạt động SXKD đã ổn định và tăng trưởng trở lại trong năm 2017; chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt kế hoạch đề ra;
- Tái cấu trúc về tổ chức theo địa bàn khu vực phù hợp theo hướng phát triển của Công ty (Chuyển Văn phòng Đại diện Lào, giải thể CNHN & nhận chuyển giao Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long của NSC);
- Tái cấu trúc hoạt động SXKD, xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017-2021, tập trung phát triển lúa thuần khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;
- Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu Công ty, thay đổi sản phẩm bao bì; Thiết lập được hệ thống đại lý, kênh phân phối bán hàng;
- Hợp tác với các Công ty thu mua lương thực trong chuỗi phát triển lúa thuần từ nghiên cứu, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm;
- Xây dựng được vùng nguyên liệu sản xuất lúa thuần đáp ứng chiến lược kinh doanh lúa thuần khu vực ĐBSCL, giai đoạn 2017-2021; Kiểm soát được các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất;
- Quy hoạch và phát triển đội ngũ nhân sự trẻ, kế thừa;



## Những mặt còn hạn chế

### Nghiên cứu:

- Chưa xây dựng được hệ thống khu vực hóa bên ngoài (nhóm bắp, nhóm rau);
- Công tác kết nối nội bộ chưa làm tốt các sản phẩm của đối tác rau, bắp gửi cho Công ty để yêu cầu đánh giá giống mới;
- Thông tin về xu hướng sản phẩm thị trường vẫn còn hạn chế (bắp, rau);
- Công tác đối ngoại với các đơn vị nghiên cứu bên chưa phát huy thế mạnh;

### Sản xuất

- Sản lượng thu hoạch lớn nhưng giống nhập kho không đạt chất lượng còn cao (lúa cỏ).

### Kinh doanh

- Đội ngũ nhân sự chưa chủ động cao, thiếu kỹ năng tiếp cận, thuyết phục khách hàng, chưa đủ tự tin và khả năng dự báo chuyển dịch thị trường.
- Chưa quyết liệt tiêu thụ các mặt hàng bán chậm, khó bán

### Marketing

- Thông tin thu thập dữ liệu còn quá ít. Không đo được hiệu quả, thường đề xuất sử dụng chi phí cao.



## Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị



### Về nội bộ:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu đưa giống mới vào đáp ứng yêu cầu kinh doanh;
- Xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu kinh doanh, bán hàng;
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát nội bộ về chi phí, giảm giá thành sản xuất
- Mở rộng hệ thống phân phối, đại lý phục vụ cho hoạt động kinh doanh
- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng kho, Nhà máy để tăng công suất sấy, chế biến bảo quản hạt giống;
- Duy trì tỷ trọng tiêu thụ hàng độc quyền từ 70% đến 80% của chiến lược để đảm bảo lợi nhuận ;
- Phát triển Công ty chuyên kinh doanh hạt rau thúc đẩy doanh thu hạt rau trong cơ cấu sản phẩm của Công ty;
- Dự báo tốt để điều chỉnh cơ cấu phù hợp cho SXKD. Linh hoạt chính sách bán hàng để thu hút khách hàng tập trung tiêu thụ
- Bao bì riêng, chính sách riêng cho khách hàng là các công ty lương thực đầu tư bao tiêu
- Phối hợp với đại lý, công ty thu mua nông sản, tổ chức nhiều sự kiện với chuyên đề “Thị trường nông sản – Đà Thơm 8, RVT”
- Chăm sóc khách hàng chiến lược.



### Về đối ngoại:

- Hợp tác với Viện, Trường về nghiên cứu, lai tạo giống mới; mua bản quyền các giống triển vọng đưa vào kinh doanh;
- Hợp tác với các đối tác nước ngoài về khảo nghiệm giống phù hợp để đưa vào kinh doanh;

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	KH 2017	TH 2017	KH 2018	KH2018/ KH2017	KH2018/ TH2017
Khối lượng tiêu thụ (tấn)	27.763	26.740	36.742	132%	137%
Doanh thu thuần	522.419	550.546	612.940	117%	111%
Lợi nhuận gộp	152.4	158.9	188.1	124%	118%

## Kế hoạch năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (VNĐ)
1	Doanh thu	612.940.438.750
2	Lợi nhuận trước thuế	86.207.225.785
3	Lợi nhuận sau thuế	73.420.178.059
4	Cổ tức/Vốn điều lệ (%)	20%



CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

# ĐÀI THỜ 8

**Giống lúa thử nghiệm 1**

- ✓ Thời gian sinh trưởng: 100-105 ngày
- ✓ Chiều cao cây: 100 cm
- ✓ Khả năng đẻ nhánh: nhiều
- ✓ Tầm năng nẩy: 5-7 tãnh
- ✓ Cơm dẻo, có mùi thơm nhẹ
- ✓ Chống chịu tốt bệnh đạo ôn
- ✓ Khả năng thích nghi các vùng sinh thái ĐBSCL và chịu mặn bậc 3

**Giống lúa thử nghiệm 2**

- ✓ Thời gian sinh trưởng: 100-105 ngày
- ✓ Chiều cao cây: 100 cm
- ✓ Khả năng đẻ nhánh: nhiều
- ✓ Tầm năng nẩy: 5-7 tãnh
- ✓ Cơm dẻo, có mùi thơm nhẹ
- ✓ Chống chịu tốt bệnh đạo ôn
- ✓ Khả năng thích nghi các vùng sinh thái ĐBSCL và chịu mặn bậc 3

CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

## ĐÀI THỜ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG  
Số 10 Nguyễn Văn Phú, Quận 7, TP. HCM  
Số điện thoại: 0903 222 222  
Số fax: 028 3511 1111  
Số máy fax: 028 3511 1111

## Phương hướng nhiệm vụ 2018

Để có thể hoàn thành tốt kế hoạch năm đã đề ra, đồng thời hạn chế tối đa những khó khăn mới phát sinh trong quá trình sản xuất – kinh doanh, năm 2018 HĐQT đã đưa ra các phương hướng thực hiện kế hoạch như sau:

### • Kinh doanh

- Theo dõi diễn biến thị trường nông sản, điều chỉnh cơ cấu chủng loại kinh doanh để quyết định sản xuất kịp thời;
- Áp dụng KPI bán hàng từng tháng (Miền Đông – ĐBSCL), từng vụ (Tây Nguyên, Miền Trung – Miền Bắc);
- Xây dựng Đại lý nòng cốt tập trung tiêu thụ lúa giống SSC từ 40% trở lên;
- Khai thác triệt để và nhanh Giống bản quyền để mở rộng thị phần và tăng hiệu quả, đảm bảo doanh thu sản phẩm khoa học công nghệ chiếm trên 70% doanh thu Công ty;
- Khai thác tối đa lúa thuần Kim Cương 111 ở phía Bắc. Phát triển mạnh lúa thuần để nâng cao doanh thu ở miền Bắc và miền Trung;
- Tìm kiếm đối tác chiến lược về hạt giống rau nhằm đa dạng bộ sản phẩm hạt rau kinh doanh của Công ty;
- Đánh giá lại thị trường Lào, Campuchia để mở rộng phát triển bộ sản phẩm đa dạng hơn.

### • Marketing – Phát triển Sản phẩm

- Áp dụng hệ thống nhận diện Công ty đồng bộ (bao bì, bảng hiệu, vật liệu quảng bá...), xây dựng thương hiệu SSC được nhiều người biết đến rộng khắp khu vực ĐBSCL;
- Cải tiến hoạt động trình diễn hội thảo, đặc biệt sản phẩm mới theo hướng marketing trực tiếp.

### • R&D:

- Định hướng công tác nghiên cứu gắn liền mục tiêu kinh doanh;
- Xây dựng định mức các chi phí nghiên cứu;
- Đưa ra thị trường các giống rau màu mới: Dưa hấu không hạt (tháng 4), bí đỏ, khổ qua, ớt, bắp nếp (tháng 9);
- Sớm công nhận các giống lúa lai, lúa thuần theo kế hoạch;
- Tổ chức và quản lý nhân giống gốc, bố mẹ an toàn, đầy đủ và kịp thời cho công tác sản xuất giống;
- Tăng cường quan hệ hợp tác với các Viện, Trường để cập nhật thông tin về giống mới triển vọng trong quá trình khảo nghiệm so sánh giống;
- Mở rộng quan hệ hợp tác khảo nghiệm giống hạt rau với các công ty Giống hàng đầu trong khu vực.



### • Sản xuất:

- Thực hiện giao khoán cho nhân viên sản xuất, cải tiến chế độ lương điểm và chế độ thưởng theo khối lượng, chất lượng và kết quả công việc của bộ phận, cá nhân;
- Từng bước xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất ổn định, giảm chi phí vận chuyển, giảm giá thành;
- Hợp tác sản xuất với các đối tác gia công sản xuất có uy tín;
- Triển khai sản xuất rải vụ, đáp ứng kịp thời kinh doanh, giảm áp lực lưu kho và tồn kho, đảm bảo phải đủ hàng cho kinh doanh;
- Nghiên cứu các giải pháp xây dựng định mức giá thành trong sản xuất, đảm bảo tính cạnh tranh và lợi nhuận.

### • Chế biến Bảo quản

- Quản lý tốt chất lượng sản phẩm trong quá trình sấy, chế biến bảo quản để ngăn ngừa thiệt hại trong kho và thực hiện nghiêm chế độ trách nhiệm vật chất trong công tác sản xuất và chế biến bảo quản;
- Công tác quản lý chi phí chế biến bảo quản ở các đơn vị phải được kiểm soát tốt chi phí lao động trong các công đoạn. Bên cạnh đó, công tác quản lý bao bì, quản lý hao hụt sấy chế biến đóng gói cũng cần phải chú trọng hơn nữa.



- **Quản lý Chất lượng**

- Tăng cường quản lý và chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý chất lượng hàng hóa toàn Công ty;
- Tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động kiểm định ở các đơn vị để phát hiện và ngăn ngừa rủi ro chất lượng ngay từ ngoài đồng;
- Tập huấn NVSX phương pháp kiểm định, kiểm nghiệm hạt giống để có thể tự đánh giá chất lượng ruộng giống và tự chịu trách nhiệm về chất lượng hạt giống khi nhập kho;
- Tập huấn công tác kiểm nghiệm, kiểm soát quá trình chế biến bảo quản cho NV QLCL/KCS để thực hiện tốt quy trình quản lý sau thu hoạch;
- Soát xét lại các thủ tục, hệ thống tài liệu/biểu mẫu và các quy định cho phù hợp với chức năng.

- **Kế hoạch Đầu tư**

- Nâng cấp hệ thống sấy của Trại Cờ Đỏ;
- Khảo sát và thuê kho khu vực ĐBSCL đáp ứng chiến lược phát triển lúa thuần;
- Đánh giá lại chiến lược Công ty, đề xuất đầu tư cơ sở vật chất cho các năm tiếp theo;
- Đề xuất các giải pháp quản trị, tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Xây dựng hệ thống định mức: Định mức vận chuyển, hao hụt ...

- **Tài chính Kế toán**

- Hoàn thiện chương trình kế toán, áp dụng giải pháp FAST online, Quản lý kho để hỗ trợ cung cấp thông tin phục vụ quản trị;
- Phát huy vai trò bộ phận, tập trung kiểm soát tốt chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành từng lô trong hệ thống kế toán Chi nhánh, Trại, Trại;
- Cập nhật những thay đổi của công tác tài chính, kế toán để kiểm soát tình hình triển khai chiến lược kinh doanh;
- Hệ thống, soát xét, sửa đổi, ban hành lại các quy định, quy trình trong công tác kế toán và các quy chế trong công tác quản lý tài chính để hệ thống TCKT được vận hành tốt hơn, giảm thiểu rủi ro;
- Đào tạo nghiệp vụ cho nhân sự TCKT trong toàn Công ty.

- **Quản trị**

- Hệ thống phân quyền và chế độ trách nhiệm cán bộ lãnh đạo trong công tác quản lý điều hành;
- Quản trị theo mục tiêu, thực hiện giao mục tiêu – chỉ tiêu đến từng đơn vị- bộ phận- CBNV;
- Kiểm soát quá trình thực hiện của các Đơn vị, bộ phận, cá nhân bảo đảm tính tuân thủ, linh hoạt và tính trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ/ kế hoạch công việc được giao;
- Tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ phận và cá nhân thực hiện tốt chức năng – Nhiệm vụ của Đơn vị mình vì lợi ích của Công ty.

- **Nhân sự Hành chính**

- Quy hoạch và sử dụng nguồn nhân sự hợp lý các bộ phận/đơn vị;
- Đánh giá năng lực nhân sự, tham mưu Ban TGD điều động, luân chuyển, để bật phát triển nguồn nhân sự kịp thời;
- Kiện toàn nhân sự sản xuất, kinh doanh, marketing;
- Tổ chức huấn luyện, kiến thức cạnh tranh, đặc tính giống, Kỹ năng tiếp thị bán hàng cho CBNV Kinh doanh & Marketing;
- Tổ chức đào tạo kỹ năng quản trị cho cán bộ quản lý các cấp; đặc biệt đội ngũ cán bộ kế thừa;
- Chính sách khen thưởng thỏa đáng cho đội ngũ nghiên cứu đưa ra thị trường sản phẩm mới;
- Chính sách khen thưởng nhân viên kinh doanh đạt mục tiêu KPI tháng/quí/vụ;
- Nâng cao hiệu quả quy chế lương thưởng và đánh giá CBNV theo mục tiêu giao việc;
- Hệ thống lại, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hệ thống quy chế.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Bà Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0	
3	Ông Hàng Phi Quang	UV. HĐQT	24.887	0,1	
4	Ông Đỗ Bá Vọng	UV. HĐQT	0	0	
5	Ông Bùi Quang Sơn	UV. HĐQT	0	0	

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	15/02/2017	Phê duyệt tạm ứng quỹ tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên (CBNV) của Công ty.
2	02/NQ-HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt phương án sắp xếp hệ thống sản xuất của Công ty theo chiến lược phát triển lúa thuần lai Đồng bằng Sông Cửu Long, giai đoạn 2017-2021. Phê duyệt nhân sự quản lý các đơn vị theo phương án sắp xếp hệ thống sản xuất do Tổng Giám đốc đệ trình.
3	03/NQ-HĐQT	05/04/2017	Phê duyệt, kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017, Tổng cộng các hạng mục là <b>6.129.270.000 đồng</b> .
4	04/NQ-HĐQT	05/04/2017	1. Thông qua các nội dung HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên 2016 a. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận trích lập Quỹ chi trả cổ tức năm 2016. b. Tờ trình quyết toán chi trả thù lao HĐQT & BKS năm 2016. c. Tờ trình phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017. d. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017: Công ty mẹ. Doanh thu thuần : 519 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế : 42,7 tỷ đồng. e. Tờ trình đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2017. 2. Thông qua việc trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 về đơn từ nhiệm Ban Kiểm soát của ông Nguyễn Hữu Hòa, ngày 24/3/2017. 3. Thông qua việc đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS tiếp tục nhiệm kỳ 2015-2019 do cổ đông lớn NSC đề cử.
5	05/NQ-HĐQT	05/04/2017	Thông qua chủ trương giải thể Chi nhánh Hà Nội để tiếp tục thực hiện chương trình tái cấu trúc SSC, thời điểm từ ngày 01/07/2017. Thông qua chủ trương khảo sát, tìm địa điểm để chuyển Chi nhánh miền Trung (Quảng Nam) vào khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ.
6	06/NQ-HĐQT	05/05/2017	Thông qua chủ trương mua bản quyền, nhận chuyển giao quyền sử dụng giống độc quyền các giống: OM341, OM344, OM nếp 406 và OM8959 theo nội dung đã thống nhất giữa SSC và Viện lúa Đồng bằng Sông Cửu Long.

7	07/NQ-HĐQT	05/05/2017	Phê duyệt bổ nhiệm nhân sự quản lý: bà Nguyễn Thị Phong, Kỹ sư Nông học, Phó Giám đốc Quản lý Chất lượng giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Chất lượng, kể từ ngày 10/5/2017.
8	08/NQ-HĐQT	20/05/2017	Phê chuẩn việc chỉ định ông Lê Thái Bình là Người đại diện phần vốn của SSC tại Công ty TNHH Phát triển Nhà CANTAVIL (gọi tắt là Công ty liên doanh) và đại diện theo ủy quyền vào Hội đồng Thành viên và giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc tại Công ty liên doanh.
9	09/NQ-HĐQT	07/06/2017	Phê duyệt chọn Công ty Kiểm toán TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của SSC.
10	10/NQ-HĐQT	24/07/2017	Thông qua kết quả SXKD 6 tháng cuối năm 2017. Thông qua kế hoạch doanh thu, lãi gộp 6 tháng năm 2017. Ban Điều hành xúc tiến nhanh việc quyết toán thuế của CNHN giải thể.
11	11/NQ-HĐQT	24/07/2017	Phê duyệt kế hoạch bổ sung đầu tư xây dựng Trại Cờ Đỏ, giá trị 2,695 tỷ đồng.
12	12/NQ-HĐQT	24/07/2017	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2017.
13	13/NQ-HĐQT	31/07/2017	Thông qua phương án mua cổ phiếu quỹ của SSC.
14	14/NQ-HĐQT	25/08/2017	Thông qua chiến lược kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2018-2021 Thông qua chủ trương đầu tư Trung tâm công nghiệp chế biến giống lúa tại Đồng Tháp. Đầu tư phát triển nông nghệ cao tại Củ Chi. Bổ sung kiện toàn công tác nhân sự quản lý theo mục tiêu, định hướng chiến lược kinh doanh 2018-2021. Phê duyệt mức lương của Tổng Giám đốc.
15	15/NQ-HĐQT	31/08/2017	Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Đình Nam.
16	16/NQ-HĐQT	23/10/2017	Thông qua phương án gia hạn thời gian giao dịch mua cổ phiếu quỹ của SSC.
17	17/NQ-HĐQT	23/10/2017	Thông qua chủ trương đầu tư thuê kho Công ty Cẩm Nguyên Đồng Tháp. Tiếp nhận và nhận bàn giao Chi nhánh NSC từ ngày 01/01/2018. Lập Dự án đầu tư xây mở rộng kho Trại Cờ Đỏ. Thông qua chủ trương thành lập Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long. Thông qua việc thống nhất hợp tác nghiên cứu và phát triển (R&D) giữa SSC và NSC. Thông qua cơ chế bán hàng của 2 Công ty SSC và NSC. Thông qua chủ trương chuyển nhượng nhà, đất đã cần nợ của Đại lý Hà Đạt (Sơn La).
18	18/NQ-HĐQT	23/10/2017	Thông qua chủ trương chuyển nhượng cổ phần của SSC tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An.
19	19/NQ-HĐQT	30/11/2017	Thông qua chuyển nhượng cổ phần của SSC tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An.
20	20/NQ-HĐQT	04/12/2017	Phê duyệt nhân sự cấp quản lý Trại Lâm Hà.
21	21/NQ-HĐQT	30/12/2017	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2017, yêu cầu chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế phải đảm bảo 73 tỷ đồng. Phê duyệt chi phí nghiên cứu và công nghệ sinh học giai đoạn 2011 đến tháng 10/2015. Phê duyệt Dự án đầu tư Trại GCT Cờ Đỏ, tổng mức đầu tư là 10.236.934.345 đồng

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

STT	Tiểu ban	Thành viên
1	Tiểu ban Tái cấu trúc và Đầu tư	Trưởng tiểu ban: Trần Kim Liên; Thành viên: Hàng Phi Quang;
2	Tiểu ban Khoa học và Công nghệ	Thành viên: Đỗ Bá Vọng
3	Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng	Trưởng tiểu ban: Hàng Phi Quang; Thành viên: Trần Kim Liên

### Hoạt động giám sát của của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Kết quả SXKD năm 2017: doanh thu thuần thực hiện 550 tỷ đồng đạt 126% so với cùng kỳ và đạt 106% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế thực hiện 64,6 tỷ đồng, đạt 178% so với cùng kỳ và đạt 150% so với kế hoạch.
- Giám sát công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, ngày 27/4/2017 của SSC. HĐQT, Tổng Giám đốc đã triển khai và quán triệt thực hiện các nội dung công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên thành công theo đúng quy định;
- Giám sát các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị năm 2017, triển khai sản xuất đáp ứng yêu cầu kinh doanh;
- Giám sát việc quản lý, điều hành theo mục tiêu chiến lược của Công ty,
- Giám sát kế hoạch sản xuất giống F1 năm 2018 để đáp ứng yêu cầu kinh doanh;
- Giám sát việc giải thể Chi nhánh Hà Nội, kiểm soát công nợ; thực hiện quyết toán thuế 2017;
- Giám sát việc mua cổ phiếu quỹ của Công ty, chuyển nhượng phần vốn của SSC tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An;
- Giám sát việc thực hiện Hợp đồng liên doanh với Công ty Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức trong việc triển khai Dự án 282 Lê Văn Sỹ.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- **Tiểu ban Tái cấu trúc và Đầu tư**
  - Thảo luận xây dựng kế hoạch kinh doanh 2017 & chiến lược sản xuất, kinh doanh, tài chính, sản phẩm, R&D giai đoạn 2017-2021;
  - Thảo luận tái cấu trúc hệ thống sản xuất các Trạm/Trại của Công ty (cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự) theo chiến lược kinh doanh 2017-2021;
  - Thảo luận các vấn đề liên quan khi thực hiện Hợp đồng liên doanh đối với Dự án 282 Lê Văn Sỹ với Daewon Thủ Đức;
  - Thảo luận tái cấu trúc Chi nhánh Hà Nội sáp nhập vào NSC từ 01/7/2017 và chuyển Văn phòng Đại diện Lào về tỉnh Udomxay (Lào);
  - Thảo luận chủ trương khảo sát, tìm địa điểm để chuyển Chi nhánh miền Trung (Quảng Nam) vào khu vực Duyên hải Nam Trung bộ.
  - Thảo luận phương án mua cổ phiếu quỹ của Công ty;
  - Thảo luận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An (SSC là Công ty mẹ) và đã thực hiện hoàn tất chuyển nhượng vốn vào tháng 11/2017;
  - Thảo luận thành lập Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long;
- **Tiểu ban Khoa học và Công nghệ**
  - Thảo luận, đề xuất HĐQT việc mua bản quyền các giống lúa của Viện lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long;
  - Thảo luận chiến lược nghiên cứu giai đoạn 2017-2021 theo chiến lược kinh doanh của Công ty; thống nhất nội dung hợp tác Nghiên cứu và phát triển (R&D) giữa SSC và NSC,







- **Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng**

- Thảo luận quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2016 & phương án chi trả HĐQT, BKS năm 2017;
- Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2017;
- Thảo luận nhân sự bầu bổ sung vào HĐQT, BKS tiếp tục nhiệm kỳ 2015-2019;
- Thảo luận đề xuất cử người đại diện phần vốn của SSC vào Công ty liên doanh với Công ty Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức trong việc triển khai Dự án 282 Lê Văn Sỹ;
- Thảo luận bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự quản lý, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc các đơn vị: Phòng Quản lý Chất lượng, Chi nhánh Trà Vinh, Trại Cờ Đỏ, Trại Lâm Hà;
- Thảo luận đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của SSC & các công ty con;
- Thảo luận việc xử lý các chi phí tổn động của năm 2016;
- Thảo luận quyết toán thuế với cơ quan thuế giai đoạn 2011-2016;

## **Đào tạo về quản trị công ty**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty : Không



# BAN KIỂM SOÁT



## Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban	0	0
2	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Ủy viên	0	0

- Các phiên họp của HĐQT và Hội nghị sơ kết, tổng kết Công ty đều có sự tham gia của BKS để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến đối với HĐQT, Ban TGD.
- BKS đã tiến hành các hoạt động giám sát thường xuyên, định kỳ hàng quý đối với Ban TGD Công ty để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định quản lý nội bộ hiện hành.
- Báo cáo tài chính Quý 1, Quý 2, Quý 3, Quý 4 của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Các khoản chi phí, trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho, khoản phải thu khó đòi theo đúng các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo quy chế, quy định quản lý của Công ty đã ban hành. Các báo cáo tài chính đã công bố thông tin theo đúng quy định.
- Công ty đã thực hiện nâng cấp phần mềm kế toán Fast Business Online để đáp ứng yêu cầu kế toán tài chính và kế toán quản trị theo hệ thống quản trị của Công ty mẹ, áp dụng từ tháng 4/2016.

## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát phối hợp với chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong các phiên họp của HĐQT đều có báo cáo, tham gia phát biểu & đóng góp ý kiến;
- Ban Kiểm soát phối hợp với chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ. Ban Điều hành bố trí nhân sự, tạo điều kiện làm việc cho Ban Kiểm soát thuận lợi, cung cấp các thông tin về báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh, chi phí đầy đủ, rõ ràng, kịp thời.

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch	195.428.432
2	Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch	195.428.432
3	Hàng Phi Quang	Ủy viên	195.428.432
4	Đỗ Bá Vọng	Ủy viên	195.428.432
5	Bùi Quang Sơn	Ủy viên	130.285.622

(Ghi chú : Ủy viên HĐQT Bùi Quang Sơn được ĐHĐCĐ thường niên bầu từ ngày 27/4/2017)

## Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Phan Thế Tý	Trưởng ban	113.999.919
2	Nguyễn Khánh Quỳnh	Ủy viên	113.999.919

(Ông Nguyễn Hữu Hòa, đã từ nhiệm ủy viên Ban Kiểm soát ngày 27/4/2017 )

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương
1	Bùi Quang Sơn	Tổng Giám đốc	1.220.506.409
2	Lê Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	662.424.631
3	Trịnh Minh Hợp	Phó Tổng Giám đốc	530.610.000
4	Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	226.946.667

(Ghi chú: Phó Tổng Giám đốc PTGD Nguyễn Hoàng Anh được tuyển dụng và bổ nhiệm từ 01/9/2017)



## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Hàng Nhật Quang	Em ruột UV.HĐQT Hàng Phi Quang	16.240	0,1	0	0%	Nhu cầu cá nhân
2	Hàng Phi Quang	UV.HĐQT	44.587	0,3	34.887	0,2%	Nhu cầu cá nhân
3	Hàng Phi Quang	UV.HĐQT	34.887	0,2	24.887	0,1%	Nhu cầu cá nhân
4	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam		61.412	0,4	1.475.512	9,84	Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 23/11/2017
5	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	Công ty mẹ	9.237.050	68,34	10.124.124	74,90	Tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của công ty con

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 32

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

<u>GCNĐKKD điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 9 tháng 1 năm 2017

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trại giống cây trồng Tân Hiệp và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam, các chi nhánh tại Miền Trung, Trà Vinh và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch	
Bà Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	
Ông Hàng Phi Quang	Thành viên	
Ông Bùi Quang Sơn	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Nam	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017 và từ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Hòa	Thành viên	từ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Sơn	Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Lê Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Trịnh Minh Hợp	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Bùi Quang Sơn  
Ông Hàng Phi Quang

Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

từ ngày 9 tháng 1 năm 2017  
đến ngày 8 tháng 1 năm 2017

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61000411/19357593

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

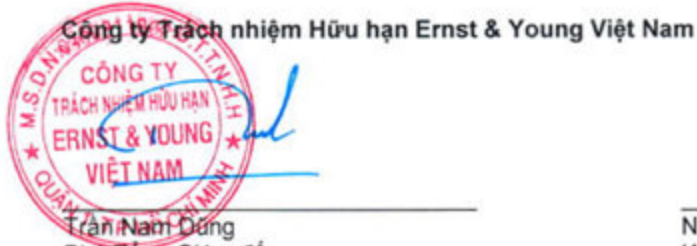
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3021-2014-004-1



Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1541-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>301.111.344.622</b>	<b>280.794.375.969</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>67.281.542.657</b>	<b>36.241.991.816</b>
111	1. Tiền		57.281.542.657	18.092.986.211
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	18.149.005.605
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>131.959.221.301</b>	<b>110.179.605.208</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	108.506.050.448	82.779.463.930
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	17.705.004.218	16.147.889.549
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.124.287.000	1.324.287.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.514.893.688	15.346.439.254
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.891.733.259)	(5.470.926.361)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		719.206	52.451.836
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>98.588.506.229</b>	<b>130.185.267.133</b>
141	1. Hàng tồn kho		102.875.299.829	130.866.923.654
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.286.793.600)	(681.656.521)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.282.074.435</b>	<b>4.187.511.812</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	430.320.316	1.010.105.845
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	2.722.722.426	3.177.405.967
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	129.031.693	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>103.894.925.568</b>	<b>114.181.345.178</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>86.670.924.553</b>	<b>89.332.155.158</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	46.201.612.818	50.229.194.682
222	Nguyên giá		126.670.394.383	120.774.936.318
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(80.468.781.565)	(70.545.741.636)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	40.469.311.735	39.102.960.476
228	Nguyên giá		46.106.009.233	43.967.859.233
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.636.697.498)	(4.864.898.757)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>12.144.885.972</b>	<b>12.444.043.962</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.144.885.972	12.444.043.962
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>-</b>	<b>3.942.189.417</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.349.764.000	7.549.764.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.349.764.000)	(3.607.574.583)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.079.115.043</b>	<b>8.462.956.641</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.479.978.337	4.491.958.876
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.599.136.706	3.970.997.765
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>405.006.270.190</b>	<b>394.975.721.147</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>104.625.933.940</b>	<b>50.318.936.474</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>104.625.933.940</b>	<b>49.486.061.932</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	4.730.877.925	18.493.507.762
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.625.477.341	842.431.253
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.690.727.236	6.695.712.319
314	4. Phải trả người lao động		5.843.333.910	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	5.859.352.418	4.217.862.471
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	44.044.982.716	5.731.477.928
320	7. Vay ngắn hạn	19	37.958.828.560	10.304.768.864
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	872.353.834	3.200.301.335
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>832.874.542</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	832.874.542
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>300.380.336.250</b>	<b>344.656.784.673</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>300.380.336.250</b>	<b>344.656.784.673</b>
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
415	3. Cổ phiếu quỹ		(99.676.629.549)	(817.291.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		91.821.065.807	93.495.828.385
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		149.791.815.580	93.534.163.516
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		85.110.383.619	57.388.670.519
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		64.681.431.961	36.145.492.997
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>405.006.270.190</b>	<b>394.975.721.147</b>



Đoàn Xuân Khánh Quyền  
Người lập


Nguyễn Đình Nam  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc




Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	601.806.090.696	500.388.396.971
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(51.259.712.834)	(63.430.817.724)
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	550.546.377.862	436.957.579.247
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(391.640.238.450)	(309.324.814.950)
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		158.906.139.412	127.632.764.297
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	2.608.333.614	2.396.854.675
22	7. Chi phí tài chính	22	(1.008.707.796)	(5.135.611.689)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(917.248.994)	(4.264.620.907)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(36.418.243.889)	(44.781.014.006)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(51.930.006.233)	(35.043.354.108)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		72.157.515.108	45.069.639.169
31	11. Thu nhập khác	25	4.108.967.607	242.540.450
32	12. Chi phí khác	25	(2.144.167.209)	(108.137.289)
40	13. Lợi nhuận khác	25	1.964.800.398	134.403.161
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		74.122.315.506	45.204.042.330
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(7.069.022.486)	(9.448.666.082)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	(2.371.861.059)	390.116.749
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		64.681.431.961	36.145.492.997
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	4.182	2.179
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	4.182	2.179

  
Đoàn Xuân Khánh Quyên  
Người lập

  
Nguyễn Đình Nam  
Kế toán trưởng

  
Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>74.122.315.506</b>	<b>45.204.042.330</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	11.375.836.541	11.366.000.468
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		5.768.133.394	(8.740.479.561)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		148.588.323	(280.431.837)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.831.834.593)	(1.686.233.914)
06	Chi phí lãi vay	22	917.248.994	4.264.620.907
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>90.500.288.165</b>	<b>50.127.518.393</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(23.726.462.208)	1.948.257.041
10	Giảm hàng tồn kho		27.991.623.825	105.982.033.924
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		23.641.419.692	(17.102.689.008)
12	Giảm chi phí trả trước		1.591.766.068	7.064.021.832
14	Tiền lãi vay đã trả		(924.458.308)	(3.866.817.725)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.233.522.146)	(6.086.129.022)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.965.007.900)	(4.878.768.097)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>104.875.647.188</b>	<b>133.187.427.338</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(9.291.602.648)	(970.950.537)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		28.930.000	123.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.200.000.000	-
27	Tiền lãi đã nhận		2.431.854.514	1.777.906.109
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.630.818.134)</b>	<b>929.955.572</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền mua lại cổ phiếu quỹ		(98.859.337.909)	-
33	Tiền thu từ đi vay	19	48.338.442.770	103.615.151.662
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(20.684.383.074)	(193.658.642.798)
36	Cổ tức đã trả	20.2	-	(29.982.090.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(71.205.278.213)</b>	<b>(120.025.581.636)</b>

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		31.039.550.841	14.091.801.274
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		36.241.991.816	22.150.190.542
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	67.281.542.657	36.241.991.816



Đoàn Xuân Khánh Quyên  
Người lập





Nguyễn Đình Nam  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

<u>GCNĐKKD điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 9 tháng 1 năm 2017

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trại giống cây trồng Tân Hiệp và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam, các chi nhánh tại, Miền Trung, Trà Vinh và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 240 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 266 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Bản quyền	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

**3.7 Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty con vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.11 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**3.20 Thông tin bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại hạt giống cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	394.405.742	449.973.222
Tiền gửi ngân hàng	56.887.136.915	17.643.012.989
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	18.149.005.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.281.542.657</b>	<b>36.241.991.816</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng, và hưởng lãi suất ngân hàng có thể áp dụng.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	79.882.893.981	76.060.811.704
Cục Trồng Trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	46.459.086.000	46.208.800.000
Các khách hàng khác	33.423.807.981	29.852.011.704
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	28.623.156.467	6.718.652.226
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.506.050.448</b>	<b>82.779.463.930</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.078.253.167)	(3.878.450.664)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>102.427.797.281</b>	<b>78.901.013.266</b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên khác	17.705.004.218	16.147.889.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	1.124.287.000	1.124.287.000
Cho cán bộ công nhân viên vay	-	200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.124.287.000</b>	<b>1.324.287.000</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.124.287.000)	(1.124.287.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>-</b>	<b>200.000.000</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	9.191.960.118	9.995.440.645
Ký cược, ký quỹ	776.116.230	1.133.668.230
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	468.188.697	468.188.697
Khác	2.078.628.643	3.749.141.682
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.514.893.688</b>	<b>15.346.439.254</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(689.193.092)	(468.188.697)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>11.825.700.596</b>	<b>14.878.250.557</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	85.757.004.964	(4.180.114.868)	93.740.519.243	(154.596.852)
Nguyên vật liệu	13.872.422.198	(106.678.732)	13.228.186.947	(527.059.669)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.139.179.038	-	12.855.851.628	-
Công cụ, dụng cụ	1.116.769.065	-	1.636.493.660	-
Hàng hóa	989.924.564	-	9.405.872.176	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.875.299.829</b>	<b>(4.286.793.600)</b>	<b>130.866.923.654</b>	<b>(681.656.521)</b>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(681.656.521)	(10.636.512.349)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(4.286.793.600)	(681.656.521)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	681.656.521	10.636.512.349
Số cuối năm	(4.286.793.600)	(681.656.521)



## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	74.813.281.368	27.372.824.340	15.600.781.491	2.988.049.119	120.774.936.318
Mua mới trong năm	1.769.260.655	5.210.684.983	-	472.665.000	7.452.610.638
Thanh lý	(158.297.000)	-	(1.398.855.573)	-	(1.557.152.573)
Số cuối năm	76.424.245.023	32.583.509.323	14.201.925.918	3.460.714.119	126.670.394.383
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	17.556.916.893	11.230.301.352	7.545.446.011	1.137.495.344	37.470.159.600
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(38.849.182.612)	(18.047.784.602)	(11.808.352.335)	(1.840.422.087)	(70.545.741.636)
Khấu hao trong năm	(5.715.995.470)	(3.043.942.869)	(1.367.695.082)	(476.404.379)	(10.604.037.800)
Thanh lý	94.313.565	-	586.684.306	-	680.997.871
Số cuối năm	(44.470.864.517)	(21.091.727.471)	(12.589.363.111)	(2.316.826.466)	(80.468.781.565)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	35.964.098.756	9.325.039.738	3.792.429.156	1.147.627.032	50.229.194.682
Số cuối năm	31.953.380.506	11.491.781.852	1.612.562.807	1.143.887.653	46.201.612.818

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	40.684.335.409	683.523.824	2.600.000.000	43.967.859.233
Mua mới trong năm	-	668.150.000	1.470.000.000	2.138.150.000
Số cuối năm	40.684.335.409	1.351.673.824	4.070.000.000	46.106.009.233
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu trừ hết				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(4.139.922.000)	(501.539.254)	(223.437.503)	(4.864.898.757)
Hao mòn trong năm	(289.268.734)	(219.029.999)	(263.500.008)	(771.798.741)
Số cuối năm	(4.429.190.734)	(720.569.253)	(486.937.511)	(5.636.697.498)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	36.544.413.409	181.984.570	2.376.562.497	39.102.960.476
Số cuối năm	36.255.144.675	631.104.571	3.583.062.489	40.469.311.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quyền sử dụng đất	11.903.862.672	11.903.862.672
Khác	241.023.300	540.181.290
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.144.885.972</u></b>	<b><u>12.444.043.962</u></b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	3.349.764.000	7.549.764.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(3.349.764.000)</u>	<u>(3.607.574.583)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>3.942.189.417</u></b>

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	% sở hữu	Giá trị	% sở hữu	Giá trị
		(VND)		(VND)
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	83,74	3.349.764.000	83,74	3.349.764.000
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An (*)	-	-	70,00	4.200.000.000
		<b><u>3.349.764.000</u></b>		<b><u>7.549.764.000</u></b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 11 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết số 19/NQ-HĐQT về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần (420.000 cổ phần) của Công ty tại Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nam An. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng này vào ngày 1 tháng 12 năm 2017, kể từ ngày này Công ty không còn là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nam An.

**Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam (“SSE”)**

SSE là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của SSE theo GCNĐKKD là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Hiện tại, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình xin phá sản theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>430.320.316</b>	<b>1.010.105.845</b>
Chi phí sửa chữa, cải tạo	230.617.978	397.655.618
Công cụ, dụng cụ	161.494.295	169.412.116
Khác	38.208.043	443.038.111
<b>Dài hạn</b>	<b>3.479.978.337</b>	<b>4.491.958.876</b>
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.675.836.936	1.956.967.442
Công cụ, dụng cụ	620.859.586	723.411.919
Khác	183.281.815	1.811.579.515
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.910.298.653</b>	<b>5.502.064.721</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên khác	4.729.638.925	14.370.868.762
Viện lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long	1.566.241.700	-
Nông trường Sông Hậu	1.232.953.120	35.972.291
Sichuan Longping High-tech Co.,Ltd	613.061.444	4.867.181.892
Sichuan Nongda High-tech Co.,Ltd	-	2.274.610.950
Asia Pacific (NZ) Ltd., Co., Ltd	-	1.660.103.788
Các nhà cung cấp khác	1.317.382.661	5.532.999.841
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.239.000	4.122.639.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.730.877.925</b>	<b>18.493.507.762</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 20)	Số phải trả trong năm	Số đã trả/cán trừ trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	41.905	153.899.910	153.941.815	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.855.226.896	7.069.022.486	9.233.522.146	3.690.727.236
Thuế thu nhập cá nhân	121.815.105	1.446.962.034	1.568.777.139	-
Các loại thuế khác	718.628.413	1.788.133.314	2.506.761.727	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.695.712.319</b>	<b>10.458.017.744</b>	<b>13.463.002.827</b>	<b>3.690.727.236</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.177.405.967	699.066.843	1.153.750.384	2.722.722.426
Các loại thuế khác	-	129.031.693	-	129.031.693
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.177.405.967</b>	<b>828.098.536</b>	<b>1.153.750.384</b>	<b>2.851.754.119</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bản quyền	5.147.552.667	2.636.090.229
Chi phí lãi vay	620.935.007	628.144.321
Khác	90.864.744	953.627.921
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.859.352.418</u></b>	<b><u>4.217.862.471</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng thực hiện Hợp đồng liên doanh (i)	30.473.500.000	-
Tạm ứng thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng (ii)	9.526.500.000	-
Tạm ứng từ Quỹ Thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF")	-	1.416.604.000
Cổ tức phải trả	1.063.374.000	1.063.374.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	542.767.056	803.317.056
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	539.664.388	274.937.060
Kinh phí công đoàn	212.441.964	53.662.535
Khác	1.686.735.308	2.119.583.277
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>44.044.982.716</u></b>	<b><u>5.731.477.928</u></b>

(i) Đây là khoản tạm ứng của Công ty Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Daewon – Thủ Đức ("Daewon Thủ Đức"), đối tác liên doanh, để đảm bảo thực hiện hợp đồng Liên doanh thành lập Công ty TNHH Phát triển Nhà Cantavil ("Cantavil") theo Hợp đồng liên doanh và bản điều chỉnh lần 2 ký tuần tự vào ngày 3 tháng 9 năm 2014, và 3 tháng 12 năm 2016.

(ii) Đây là khoản tạm ứng của Daewon Thủ Đức để đảm bảo thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty trong Cantavil cho Daewon Thủ Đức theo Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục 1 ký tuần tự vào ngày 3 tháng 9 năm 2014, và 3 tháng 12 năm 2016.

**18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.200.301.335	4.601.438.396
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 20.1)	2.854.410.399	3.611.396.844
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(5.182.357.900)</u>	<u>(5.012.533.905)</u>
Số cuối năm	<u>872.353.834</u>	<u>3.200.301.335</u>

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.304.768.864	48.338.442.770	20.684.383.074	37.958.828.560	Số cuối năm
Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tin chấp nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:					
Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	37.958.828.560	Từ ngày 23 tháng 2 năm 2018 đến ngày 24 tháng 4 năm 2018	5,5		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.958.828.560</b>				

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						VND
Số đầu năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	99.385.502.276	100.161.302.092	357.173.597.140
Đã được trình bày trước đây	-	-	-	-	(2.032.778.651)	(2.032.778.651)
Trình bày lại (*)	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	99.385.502.276	98.128.523.441	355.140.818.489
Đã trình bày lại	-	-	-	-	36.145.492.997	36.145.492.997
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.771.369.078	(6.771.369.078)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng,	-	-	-	-	(3.611.396.844)	(3.611.396.844)
phúc lợi	-	-	-	-	(12.661.042.969)	(12.661.042.969)
Giảm khác	-	-	-	(12.661.042.969)	-	(12.661.042.969)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(30.357.087.000)	(30.357.087.000)
Số cuối năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	93.495.828.385	93.534.163.516	344.656.784.673
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	93.495.828.385	95.566.942.167	346.689.563.324
Đã được trình bày trước đây	-	-	-	-	(2.032.778.651)	(2.032.778.651)
Trình bày lại (*)	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	93.495.828.385	93.534.163.516	344.656.784.673
Đã trình bày lại	-	-	(98.859.337.909)	-	-	(98.859.337.909)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	64.681.431.961	64.681.431.961
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.352.019.498	(5.352.019.498)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng,	-	-	-	-	(2.854.410.399)	(2.854.410.399)
phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm	-	-	-	-	(217.350.000)	(217.350.000)
Soát	-	-	-	(7.026.782.076)	-	(7.026.782.076)
Khác (**)	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(99.676.629.549)	91.821.065.807	149.791.815.580	300.380.336.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

- (\*) Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố thuế TNDN, lãi phạt chậm nộp và phạt vi phạm hành chính về thuế cho các năm tài chính 2011 và 2012 với tổng số tiền là 2.032.778.651 VND.
- (\*\*) Đây là các chi phí trực tiếp phục vụ cho hoạt động nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Giống Cây trồng Miền Nam ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí quản lý sẽ được sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư và phát triển theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 10 năm 2016.

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm và cuối năm	<u>149.923.670.000</u>	<u>149.923.670.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	-	30.357.087.000
Cổ tức đã trả trong năm	-	29.982.090.500

**20.3 Vốn cổ phần**

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu quỹ	(1.475.512)	(61.412)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.516.855	14.930.955



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>601.806.090.696</b>	<b>500.388.396.971</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	594.130.134.485	435.777.387.421
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	7.326.963.944	61.814.710.542
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	348.992.267	2.796.299.008
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(51.259.712.834)</b>	<b>(63.430.817.724)</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(31.237.128.165)	(25.477.383.555)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(15.602.472.809)	(36.753.412.649)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(4.420.111.860)	(1.200.021.520)
<b>DOANH THU THUẬN</b>	<b>550.546.377.862</b>	<b>436.957.579.247</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	497.046.369.322	420.246.640.647
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	53.500.008.540	16.710.938.600

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hỗ trợ lãi vay	1.289.418.000	-
Lãi tiền gửi	1.241.332.360	1.777.906.109
Lãi chênh lệch tỷ giá	77.583.254	618.948.566
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.608.333.614</b>	<b>2.396.854.675</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	917.248.994	4.264.620.907
Chiết khấu thanh toán	-	619.004.151
Lỗ chênh lệch tỷ giá	194.147.385	280.431.837
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(257.810.583)	(28.445.206)
Khác	155.122.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.008.707.796</b>	<b>5.135.611.689</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>36.418.243.889</b>	<b>44.781.014.006</b>
Chi phí nguyên vật liệu	1.807.417.930	1.535.312.234
Chi phí nhân viên	8.091.006.493	5.457.571.273
Chi phí khấu hao và hao mòn	366.161.741	340.720.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.178.424.635	18.570.955.776
Chi phí khác	11.975.233.090	18.876.454.670
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>51.930.006.233</b>	<b>35.043.354.108</b>
Chi phí nguyên vật liệu	1.585.591.370	1.319.174.501
Chi phí nhân viên	24.449.826.595	14.076.444.974
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.106.153.230	2.260.381.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.280.059.611	6.115.490.013
Chi phí khác	16.508.375.427	11.271.863.428
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.348.250.122</b>	<b>79.824.368.114</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	330.843.979.627	291.351.286.226
Chi phí nhân viên	65.003.456.153	43.771.547.912
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	11.375.836.541	11.366.000.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.032.551.738	29.439.377.710
Chi phí khác	37.810.360.053	33.171.173.812
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>474.066.184.112</b>	<b>409.099.386.128</b>

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.108.967.607</b>	<b>242.540.450</b>
Tắt toán hỗ trợ từ quỹ VBCF	1.416.604.000	-
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	1.125.000.000	-
Phí bản quyền	514.880.000	-
Thu nhập từ bán phế liệu	358.069.540	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	177.238.935	123.000.000
Khác	517.175.132	119.540.450
<b>Chi phí khác</b>	<b>(2.144.167.209)</b>	<b>(108.137.289)</b>
Xử lý công nợ tồn đọng	(1.239.726.106)	-
Hỗ trợ nông dân	(570.501.450)	-
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	(266.701.668)	-
Khác	(67.237.985)	(108.137.289)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>1.964.800.398</b>	<b>134.403.161</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% của thu nhập chịu thuế.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty thỏa mãn điều kiện miễn, giảm thuế nói trên nên đã áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	7.069.022.486	9.448.666.082
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	2.371.861.059	(390.116.749)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.440.883.545</b>	<b>9.058.549.333</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>74.122.315.506</b>	<b>45.204.042.330</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 10% (Năm 2016: 20%)	7.412.231.551	9.040.808.467
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	342.905.580	17.740.866
Khác	1.685.746.414	-
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>9.440.883.545</b>	<b>9.058.549.333</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.175.959.373	3.804.422.857	(2.628.463.484)	439.017.228
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	423.177.333	-	423.177.333	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	-	166.574.908	(166.574.908)	(48.900.479)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>1.599.136.706</b>	<b>3.970.997.765</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(2.371.861.059)</b>	<b>390.116.749</b>

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	64.681.431.961	36.145.492.997
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(3.445.827.467)	(2.854.410.399)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	61.235.604.494	33.291.082.598
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	14.783.769	14.930.955
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.142	2.230

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	VND
				Năm trước
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	44.028.255.076	4.688.258.100
		Mua hàng hóa	5.930.479.273	-
		Cho thuê văn phòng	1.237.500.000	-
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	Công ty con trước đây	Bán hàng hóa	9.471.753.464	14.423.992.000
		Chiết khấu thương mại	1.182.545.072	1.645.702.500
		Hàng bán trả lại	126.461.000	755.609.000

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thoả thuận theo hợp đồng.

Chi tiết tiền lương và các chi phí liên quan của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Lương và các chi phí liên quan	<u>3.169.657.963</u>	<u>1.771.770.501</u>

Các khoản phải thu, phải trả từ các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	28.623.156.467	-
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	Công ty con trước đây	Bán hàng hóa	-	6.718.652.226
<b>TỔNG CỘNG</b>			<u><b>28.623.156.467</b></u>	<u><b>6.718.652.226</b></u>

**Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)**

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Cho vay	<u>1.124.287.000</u>	<u>1.124.287.000</u>
---	-------------	---------	----------------------	----------------------

**Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)**

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Thu nhập lãi	<u>468.188.697</u>	<u>468.188.697</u>
---	-------------	--------------	--------------------	--------------------

**Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)**

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Mua tài sản cố định	1.239.000	1.239.000
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	Công ty mẹ	Mua hàng	-	4.121.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<u><b>1.239.000</b></u>	<u><b>4.122.639.000</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Dưới 1 năm	1.862.678.952	2.100.128.952
Từ 1 đến 5 năm	5.588.036.856	7.140.269.316
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.450.715.808</b>	<b>9.240.398.268</b>

**30. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	349.750.544	349.750.544
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	2.158	1.927
- Euro (EUR)	1	1

**31. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

  
Đoàn Xuân Khánh Quyên  
Người lập

  
Nguyễn Đình Nam  
Kế toán trưởng

  
Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Bùi Quang Sơn



Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh



SĐT: (028) 3844.2414  
Fax: (028) 3948.5026



Website: [www.ssc.com.vn](http://www.ssc.com.vn)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM